



EVNCPC
PC KHANH HOA
CÔNG TY CP ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2013**



Mục Lục

4	TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI	24	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
6	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26	CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT
7	THÔNG TIN KHÁI QUÁT	27	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC
8	37 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN	30	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
10	ĐỊA BÀN VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	36	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
11	MÔ HÌNH TỔ CHỨC	38	QUẢN TRỊ CÔNG TY
12	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	48	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2013
14	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013		
15	TỔ CHỨC NHÂN SỰ		
20	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN		
22	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY		



- 
- **TÂM NHÌN**
 - **SỨ MỆNH**
 - **GIÁ TRỊ CỐT LỐI**
 - **TRIẾT LÝ KINH DOANH**

TÂM NHÌN

Trở thành một Công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối và kinh doanh điện năng tại Việt Nam và tỉnh Khánh Hòa, góp phần vào thành công chung của Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) trong việc thực hiện tốt vai trò của một ngành kinh tế mũi nhọn trong nhiệm vụ đảm bảo an ninh năng lượng của tỉnh và quốc gia.

SỨ MỆNH

Đáp ứng đầy đủ nhu cầu về điện của khách hàng với chất lượng và dịch vụ ngày càng tốt hơn.

GIÁ TRỊ CỐT LỐI

- Xây dựng niềm tin, sự tín nhiệm bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sự trung thực và tinh thần trách nhiệm.
- Hết lòng phục vụ để đem lại sự hài lòng cho khách hàng.
- Phát huy sức sáng tạo, đổi mới công nghệ, quy trình quản lý để đem lại hiệu quả cao nhất.
- Sẵn sàng hợp tác – chia sẻ để cùng nhau phát triển, cùng nhau hành động vì sự thành công của Công ty.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Chất lượng sản phẩm là trọng tâm
- Lợi ích khách hàng là then chốt
- Đảm bảo thu nhập là trách nhiệm
- Chia sẻ cộng đồng là nghĩa vụ

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý cổ đông

Năm 2013, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, một số doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh suy giảm hoạt động sản xuất kinh doanh ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm của Công ty, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận. Cụ thể trong năm 2013, sản lượng điện thương phẩm đạt 1.342,775 triệu kWh, doanh thu bán điện đạt 2.146,759 tỷ đồng, tăng 17,19% so với năm 2012. Đặc biệt, năm 2013 với việc không còn ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty đã thực hiện nộp thuế là 63,8 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch; đây cũng là năm thứ 9 liên tiếp Công ty hoàn thành và đóng góp vượt chỉ tiêu kế hoạch nộp thuế cho ngân sách địa phương kể từ khi Công ty chuyển sang cổ phần hóa.



Trong năm 2013, Công ty tiếp tục thực hiện nhiều dự án đầu tư nguồn, lưới điện quan trọng, góp phần giảm tổn thất điện năng (giảm 0,3% so với năm 2012), tăng khả năng đáp ứng nhu cầu điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân của Tỉnh Khánh Hòa.

Kết quả sản xuất kinh doanh thành công trong năm 2013 là minh chứng cho sự đóng góp có hiệu quả, sự đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty, khẳng định cam kết của Công ty là luôn hướng tới mục tiêu tạo ra những giá trị cao nhất cho người tiêu dùng và xã hội.

Bước sang năm 2014, tăng trưởng kinh tế trong nước khả năng sẽ có phục hồi, nhu cầu tiêu thụ điện có thể tăng cao hơn so với mức tăng của năm trước, do đó công tác quản trị và điều hành cần tiếp tục được quan tâm chỉ đạo sâu sát. Với mục tiêu phát triển bền vững, các chủ trương, chính sách của Hội đồng quản trị sẽ hướng đến việc kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty theo chiều sâu, tập trung đầu tư cải tạo và hiện đại hóa hệ thống lưới điện, xây dựng cơ sở hạ tầng cho các đơn vị nhằm nâng cao điều kiện làm việc cho người lao động, tạo bệ phóng vững chắc cho doanh nghiệp bứt phá trong các giai đoạn phát triển mới.

Thay mặt Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị cổ đông trong suốt thời gian qua. Tôi tin tưởng rằng, trong năm 2014, Công ty sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa nhằm mang lại những lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN ĐÌNH NHÂN

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) thành Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
- Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức hoạt động từ ngày 01/07/2005, với 51% vốn góp từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Công ty là đơn vị phân phối điện đầu tiên và đến thời điểm này là Công ty phân phối điện duy nhất của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tiến hành cổ phần hóa. Hiện Công ty đang quản lý vận hành lưới điện từ cấp điện áp 0,4kV đến 110kV.
- Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng, xây lắp công trình điện, tư vấn thiết kế công trình điện; ngoài ra Công ty còn đầu tư vào các công ty khác trong các lĩnh vực thủy điện nhỏ, thương mại, kinh doanh dịch vụ... Trong lĩnh vực kinh doanh điện năng, Công ty mua điện của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và bán điện cho khách hàng theo giá bán điện do Chính Phủ ban hành.



Tên giao dịch: Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Tên tiếng anh: Khanh Hoa Power Joint Stock Company

Tên viết tắt: KHPC

Vốn điều lệ: 415.512.960.000 đồng

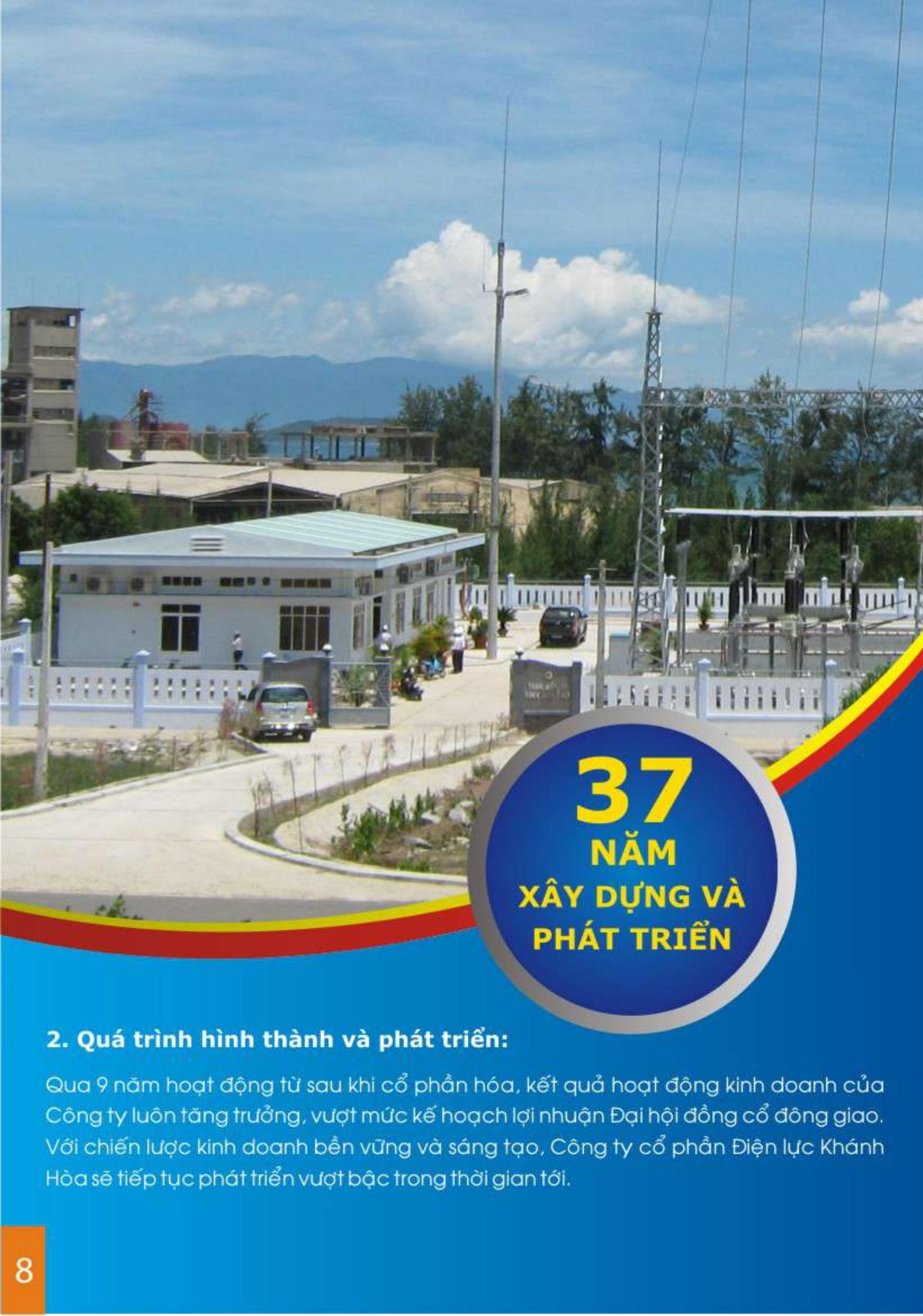
Trụ sở: 11 Lý Thánh Tôn – TP Nha Trang – Khánh Hòa

Điện thoại: (84.58) 220220 Fax: (84.58) 3823828

Website: <http://www.khpc.vn> Email: info@khpc.com.vn

Mã cổ phiếu: KHP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200601069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 30/6/2005, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 12/02/2014.



**37
NĂM
XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Qua 9 năm hoạt động từ sau khi cổ phần hóa, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng, vượt mức kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao. Với chiến lược kinh doanh bền vững và sáng tạo, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ tiếp tục phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

THÔNG TIN CHUNG

1976 - 1989

Sở quản lý và phân phối điện Phú Khánh được thành lập theo quyết định số 3799 QĐ/TCCB ngày 14/4/1976 của Bộ điện và than. Từ tháng 4/1976 đến 1981: Sở Quản lý và Phân phối điện Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện lực Miền Trung - Bộ Điện và Than. Từ năm 1981 đến tháng 10/1989: đổi tên thành Sở Điện lực Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện Lực 3 - Bộ Năng lượng.

1989 - 1996

Từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1993: đổi tên thành Sở Điện lực Khánh Hòa trực thuộc Công ty Điện lực 3 - Bộ Năng lượng (do tách hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa từ tháng 06/1989). Ngày 08/03/1996 đổi tên thành Điện Lực Khánh Hòa, trực thuộc Công ty Điện lực 3 - Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam theo Quyết định số 261/ĐVN/TCCB-LĐ của Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam.

2004 - 2005

Ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Điện lực Khánh Hòa thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Ngày 01/07/2005 Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ là 163.221.000.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51%.

2006 - 2013

Ngày 27/12/2006 cổ phiếu KHP của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm GDCK TPHCM. Từ năm 2006 – năm 2013, Công ty đã tiếp tục phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM. Số vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 415.512.960.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51,53% vốn điều lệ Công ty – tương đương 214.114.270.000 đồng. Từ sau khi cổ phần hóa, Công ty đã tăng cường củng cố cơ cấu tổ chức và cải tiến phương pháp quản lý, sáp xếp gọn nhẹ bộ máy đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng. Công ty mua điện của EVN và bán điện cho khách hàng theo giá bán điện do Chính phủ ban hành. Ngoài lĩnh vực kinh doanh điện năng, Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực khác như kinh doanh vật tư thiết bị điện, tư vấn và thi công lắp đặt các công trình điện, góp vốn thành lập các công ty cổ phần đầu tư thuỷ điện nhỏ...

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh điện năng. Quản lý vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110kV.
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, nhà máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm điện có cấp điện áp đến 110kV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng.
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện dưới 110kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4; Giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kV; Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kV và các công trình viễn thông; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư công trình điện đến cấp điện áp 110kV.
- Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110kV. Kiểm định công tơ điện. Kiểm định máy móc thiết bị điện khác.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện.
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc thiết bị)



b. Địa bàn kinh doanh

- Đối với lĩnh vực kinh doanh điện năng: Công ty thực hiện nhiệm vụ cung cấp điện phục vụ nhu cầu cho tất cả các khách hàng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Đối với các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác ngoài điện: như hoạt động xây lắp điện, tư vấn thiết kế, giám sát, thí nghiệm điện, ... địa bàn hoạt động của Công ty không những trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa mà còn ở cả các vùng lân cận trong khu vực Nam Trung Bộ.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

• Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc
- Các phòng ban chức năng
- Các điện lực, xí nghiệp, trung tâm tư vấn trực thuộc Công ty

• Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc, 12 phòng ban chức năng, 8 điện lực, 03 xí nghiệp và 01 trung tâm.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



THÔNG TIN CHUNG

5. Định hướng phát triển:

• Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Cung cấp điện ổn định, đầy đủ cho nhu cầu khách hàng sử dụng điện trên địa bàn Công ty quản lý. Tăng cường công tác phát triển khách hàng, cải tạo và phát triển lưới điện, phấn đấu giảm tổn thất điện năng, mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ khách hàng sử dụng điện nhằm tăng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty một cách bền vững.

Xây dựng Công ty trở thành công ty phân phối điện dẫn đầu trong khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với ba lĩnh vực chính: Kinh doanh điện năng, xây lắp và các dịch vụ về điện, trong đó kinh doanh điện năng tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, xây lắp và các dịch vụ về điện chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Mở rộng liên doanh, hợp tác đầu tư chiến lược vào các ngành nghề mới như: sản xuất thiết bị điện, đầu tư xây dựng thuỷ điện nhỏ ...

Đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cao hơn mức trung bình của Ngành, phấn đấu đạt 12%/năm trở lên.

• Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đáp ứng tốt nhất nhu cầu điện cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa; triệt để thực hiện tiết kiệm điện theo Chỉ thị của Chính phủ và chỉ đạo của Tập đoàn; Giảm tỷ lệ điện dùng để truyền tải và phân phối điện; giảm giá mua điện đầu vào, tăng giá bán điện bình quân; bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.

Tiếp tục thực hiện việc đầu tư xây dựng hệ thống "luồng điện thông minh" trên địa bàn Tỉnh. Từng bước hiện đại hóa và tiến tới thay thế bằng toàn bộ hệ thống đo đếm điện tử. Ứng dụng hệ thống thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa (đối với công tơ 1 pha RF thu thập dữ liệu bằng Handheld RF, đối với công tơ 3 pha 3 giá đa chức năng thu thập dữ liệu bằng modem GPRS/3G) nhằm tăng năng suất lao động.

Tiếp tục đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh ngoài điện như: hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế điện, dịch vụ lắp đặt đường dây sau công tơ, cho thuê MBA... nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo đời sống ổn định cho CBCNV cũng như cổ tức cho cổ đông,



THÔNG TIN CHUNG

Tiếp tục xây dựng chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong Công ty nhằm xây dựng và đào tạo đội ngũ CBCNV để đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn đến.

Nâng cao năng lực quản trị Công ty, tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phấn đấu tăng năng suất lao động, đảm bảo thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho CBCNV.

• Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Lập đề án bảo vệ môi trường, xây dựng các kho chứa chất thải nguy hại, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.

Thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty bằng cách tham gia nhiều hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương và trong cả nước; xây dựng hình ảnh Công ty thân thiện, vì cộng đồng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Tiếp tục xây dựng văn hóa hóa công ty gắn liền với việc xây dựng văn hóa của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Tập trung xây dựng văn hóa Công ty thông qua những giá trị cốt lõi, những chuẩn mực đạo đức và những cam kết về văn hóa Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa



6. Các rủi ro

Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm của Công ty.

Thay đổi của các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật, quy chế, quy định do Nhà nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam hay Tổng công ty Điện lực Miền Trung ban hành.

Những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn....

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2013

a. Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch DHĐCD	Thực hiện 2013	So với kế hoạch	So với năm 2012
I. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	415,513	415,513	100%	100,00%
1. Vốn lưu hành	Tỷ đồng	400,513	400,513	100%	100,00%
2. Cổ phiếu quỹ (*)	Tỷ đồng	15,000	15,000	100%	100,00%
II. Kinh doanh điện					
1. Điện mua & điện phát	Tr.KWh	1.502	1.427,981	95,06%	105,53%
2. Tỷ lệ tồn thắt điện năng kỹ thuật	%	6,15%	5,93%	-0,22%	-0,30%
3. Tỷ lệ tồn thắt có tính tồn thắt truyền tải hộ	%	6,27%	5,967%	-0,30%	-0,288%
4. Điện thương phẩm	Tr.KWh	1.408	1.342,775	95,37%	105,85%
5. Giá bán điện bình quân	đ/kWh	1.555	1.598,75	+43,75	+154,63
6. Doanh thu kinh doanh điện	Tỷ đồng		2.151,263		117,20%
7. Chi phí kinh doanh điện	Tỷ đồng		2.110,683		118,70%
8. LN kinh doanh điện trước thuế	Tỷ đồng		40,579		70,74%
III. Kinh doanh khác					
1. Doanh thu kinh doanh khác	Tỷ đồng		125,078		90,12%
2. Chi phí kinh doanh khác	Tỷ đồng		68,490		88,32%
3 LN kinh doanh khác trước thuế	Tỷ đồng		56,588		92,41%
IV. Tiếp nhận tài sản (**)	Tỷ đồng		0,378		2,01%
V. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	75,000	97,545	130,06%	70,99%
VI. Thuế TNDN 25%	Tỷ đồng	18,750	23,273	124,12%	61,35%
1. Phí nộp	Tỷ đồng	18,750	23,332	124,44%	86,25%
2. Điều chỉnh các năm trước	Tỷ đồng		-0,058		
VII. CP thuế TNDN hoãn lại (***)	Tỷ đồng		2,237		
VIII. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56,250	72,035	128,06%	72,41%

Ghi chú: (*) Giá trị cổ phiếu quỹ được tính trên mệnh giá là 10.000 đồng/CP.

(**) Trong năm 2013 giá trị tiếp nhận tài sản 02 công trình lưới điện không hoàn vốn từ các nhà đầu tư bên ngoài bàn giao với số tiền trước thuế là 0,378 tỷ đồng.

(***) Chi phí thuế TNDN hoãn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

b. Những yếu tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty năm 2013

- Năm 2013 điện thương phẩm chỉ tăng 5,85% so với năm 2012, tăng thấp hơn so với mức tăng trưởng được xây dựng từ đầu năm (11%) do tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các khách hàng lớn. Trong đó, lớn nhất là sản lượng của Nhà máy đóng tàu Hyundai Vinashin giảm đáng kể, chỉ bằng 50,1% so với năm 2012. Vì điện thương phẩm tăng thấp nên dẫn đến doanh thu và lợi nhuận thấp hơn so với 2012.

- Năm 2013 Công ty thực hiện giá bán bình quân là 1.598,75 đ/kWh tăng 43,75 đồng so với kế hoạch, điều này làm doanh thu tiền điện tăng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tổn thất điện năng năm 2013 kỹ thuật thực hiện là 5,93% giảm 0,3% so với năm 2012 và giảm 0,22% so với kế hoạch, điều này góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty;

- Năm 2013 lợi nhuận kinh doanh khác đạt 56,58 tỷ đồng, chỉ đạt 92,41% so với năm 2012. Nguyên nhân chủ yếu là do lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm.

2. Tổ chức nhân sự

a. Danh sách ban điều hành

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện

Quá trình công tác:

- ▶ 1984 - 05/1990: Chuyên viên Phòng kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 6/1990 – 11/1994: Phó phòng kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 11/1994 - 06/2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 7/2005 - 4/2008: Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty
- ▶ 15/4/2008 - đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty



Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 4.151.130 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ Công ty
- Cá nhân sở hữu: 41.648 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ Công ty.

Ông: Nguyễn Cao Ký

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành hệ thống điện

Quá trình công tác:

- ▶ 03/1990 – 06/1990: Cán bộ kỹ thuật Sở Điện lực Khánh Hòa (DLKH)
- ▶ 06/1990 – 09/1992: Cán bộ kỹ thuật Sở Truyền tải điện 2
- ▶ 09/1992 – 01/1994: Cán bộ kỹ thuật Sở DLKH
- ▶ 01/1994 – 11/1995: Điều độ viên Công ty Điện lực 3
- ▶ 11/1995 – 01/1998: Cán bộ kiểm tra sử dụng điện DLKH
- ▶ 02/1998 – 12/2000: Trưởng ban quản lý điện nông thôn DLKH
- ▶ 01/2001 – 6/2005: Trưởng Chi nhánh điện Vĩnh Hải - DLKH



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 7/2005 – 12/2006: Trưởng Chi nhánh điện Vinh Hải – Công ty CP DLKH.
- 01/2007 – 05/2007: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP DLKH
- 06/2007 – 03/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- 04/2009 – 03/2012: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc T.tâm Viễn thông Điện lực
- 04/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật – sản xuất

Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 29.438 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ Công ty.

Ông Trần Đăng Hiển

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành

Quản trị kinh doanh – Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- 09/1982 – 05/1992 : Cán bộ Trưởng chỉ huy
kỹ thuật không quân Nha Trang
- 06/1992 – 09/1994: Cán bộ Phòng Tổ chức HC
Điện lực Ninh Thuận – Phan Rang
- 09/1994 – 06/1995: Phó Phòng Tổ chức Hành chính
Điện lực Ninh Thuận – PC2
- 7/1995 – 08/1996: Phó Phụ trách Ban T.tra Bảo vệ - Điện lực Ninh Thuận – PC2
- 09/1996 – 06/2000: Cán bộ Phòng Hành chính Điện lực Khánh Hòa
- 07/2000 – 09/2001: Phó Phòng Hành chính Điện lực Khánh Hòa
- 10/2001 - 06/2005: Trưởng Phòng Tổ chức Điện lực Khánh Hòa
- 07/2005 – 03/2007: Trưởng Phòng Tổ chức Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
- 04/2007 – 3/2009: Phó Tổng Giám Đốc – Giám đốc T.tâm Viễn Thông Điện lực
- 04/2009 – đến nay: Phó Tổng Giám Đốc phụ trách đầu tư

Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 120.018 cổ phần, chiếm 0,29% vốn điều lệ Công ty.

Ông Nguyễn Kim Hoàng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện

Quá trình công tác:

- 1984 – 1989: Điều độ viên Sở Điện lực Phú Khánh
- 1990 – 1993: Trưởng phòng Kinh doanh Sở Điện lực Phú Yên
- 1994 – 1995: Điều độ viên A31 của TT Điều độ Hệ thống điện miền Trung



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1996 – 1997: Cán bộ Phòng kinh doanh Điện lực Khánh Hòa
- 1998 – 1999: Phó phòng Kinh doanh Điện lực Khánh Hòa
- 2000 – 6/2005: Trưởng phòng kinh doanh Điện lực Khánh Hòa
- 7/2005 – 3/2009: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
- 4/2009 – 8/2009: Giám đốc Điện lực Cam Lâm
- 9/2009 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 26.342 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ Công ty.

Bà Trần Thị Triều Linh

Năm sinh: 1967

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình Công tác

- 1987-10/2005: Công tác tại Phòng Kế toán Điện lực
Khánh Hòa.
- 10/2005 – 8/2009: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty
CP Điện lực Khánh Hòa
- 9/2009 - đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần
Điện lực Khánh Hòa



Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 13.064 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ Công ty.

b. Thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2013, không có sự thay đổi trong Ban điều hành của Công ty

c. Số lượng CBCNV

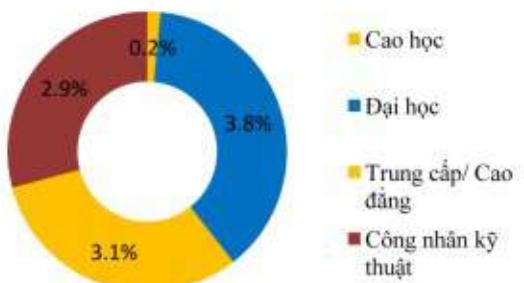
Tính đến ngày 31/12/2013, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa là 1.174 người. Trong đó:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo loại hợp đồng lao động		
Hợp đồng ngắn hạn	0	
Hợp đồng dài hạn	1.174	100%
Loại lao động		
Trực tiếp	1.049	89,35%
Gián tiếp	125	10,65%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

► Cơ cấu trình độ cán bộ nhân viên



► Chế độ chính sách đối với người lao động

• Chính sách lương và phụ cấp

Trong năm 2013, Tiểu ban tiền lương của HDQT Công ty đã nghiên cứu và xây dựng hệ thống phân phối quỹ lương mới cho các Điện lực nhằm khuyến khích hiệu quả sản xuất của các đơn vị, dự kiến sẽ áp dụng cho năm 2014. Bên cạnh đó, Công ty cũng ban hành, sửa đổi một số quy chế phân phối tiền lương để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực khuyến khích đội ngũ lao động làm việc tích cực hơn. Chính sách phụ cấp vẫn được kế thừa như các năm trước bao gồm: trích bồi dưỡng chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại, ca ba cho người lao động. Các khoản phụ cấp này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng, giúp người lao động yên tâm làm việc.

• Chế độ bảo hiểm

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn được Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra còn các chế độ khác như bảo hiểm kết hợp con người, trợ cấp thôi việc...

• Chính sách khen thưởng

Chính sách khen thưởng được áp dụng nhằm tạo động lực cho CBCNV yên tâm công tác, được gắn liền với thành tích công việc và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty đã xây dựng và áp dụng hiệu quả các chính sách như: quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, Quy chế chấm điểm thi đua trong sản xuất kinh doanh điện năng, quy chế hoạt động sản xuất khác ngoài SXKD điện năng, Quy chế thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận, Quy chế thưởng từ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh dịch vụ khác, ...

• Chế độ chính sách khác

Trong năm 2013, Công ty đã tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV để có biện pháp theo dõi, sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe của người lao động. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các chế độ phúc lợi như: thưởng vào các ngày lễ lớn; Tết Nguyên đán, kỷ niệm ngày thành lập Công ty, nghỉ dưỡng hàng năm và đảm bảo các chế độ khác như: cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, sinh nhật, bảo hiểm tai nạn... Ngoài ra, CBCNV nữ được hỗ trợ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

► Các hoạt động cho cán bộ công nhân viên

Công đoàn kết hợp với Công ty đã tổ chức các chuyến tham quan du lịch trong và ngoài nước, những hoạt động văn nghệ, thể thao sôi nổi chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV như:

- + Tổ chức hội thao, và tham gia văn nghệ của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.
- + Tổ chức hoạt động vui chơi, tặng quà cho CBCNV nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.
- + Tuyên dương và tặng những phần thưởng có giá trị cho con của CBCNV trong Công ty có thành tích xuất sắc trong học tập.
- + Tổ chức đón trung thu và Quốc tế thiếu nhi cho con CBCNV...



Trao giải : "Hội thao mùa xuân năm 2013" của Công ty



Tổ chức sinh hoạt nữ công nhân ngày gia đình Việt Nam



Đoàn CBCNV đi tham quan du lịch



Tổ chức đón Tết Trung thu cho con em CBCNV

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

3.Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn

Đầu tư hạ tầng lưới điện, sửa chữa lớn tài sản cố định và nhà làm việc

Công ty luôn đặt mục tiêu đảm bảo cung cấp điện năng đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của tất cả các hộ tiêu dùng và doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Để đáp ứng mục tiêu trên, Công ty luôn thực hiện đầu tư, nâng cấp phát triển điện lưới và tìm kiếm đầu tư liên doanh xây dựng các nguồn điện khác để bổ sung nguồn điện.

Công tác sửa chữa lớn

Công ty đã phê duyệt và triển khai thực hiện các đợt sửa chữa lớn tài sản cố định với tổng số 173 công trình; đối với các công trình sửa chữa lưới điện Công ty tập trung vào mục tiêu giảm sự cố trên lưới điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện. Tính đến 31/12/2013 toàn bộ các công trình đã được quyết toán với giá trị thực hiện là 32,012 tỷ đồng.

Công tác đầu tư xây dựng

Năm 2013 Công ty đã triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng lưới điện và nhà làm việc của các điện lực trực thuộc với tổng giá trị đầu tư 109,788 tỷ đồng.

+ Công trình hoàn thiện, chống quá tải lưới điện phân phối <=35kV

Đợt 1 thực hiện 77 hạng mục công trình với tổng giá trị thực hiện là 16,491 tỷ đồng và đợt 2 thực hiện 284 hạng mục công trình với tổng giá trị dự toán phê duyệt là 55,173 tỷ đồng. Toàn bộ các hạng mục đã được thi công nghiệm thu trong tháng 12/2013.

+ Các công trình trọng điểm 2012 chuyển tiếp sang năm 2013

Tên dự án đầu tư	Mục tiêu	Giá trị đầu tư	Tiến độ
Công trình nâng cao năng lực cấp điện khu vực Khánh Vĩnh	Nhằm nâng cao năng lực cấp điện cho huyện miền núi Khánh Vĩnh, giảm tổn thất điện năng trên lưới trung thế.	Giá trị quyết toán là 6,62 tỷ đồng, trong đó vay từ Quỹ ĐTPT của Tỉnh là 4,56 tỷ đồng	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.
Xây dựng mới xuất tuyến 35kV 374- E27	Tăng cường khả năng cấp điện ổn định tin cậy cho các phụ tải tập trung ở khu vực trung tâm Tp Nha Trang	Giá trị quyết toán là 5,68 tỷ đồng, trong đó vay từ Quỹ ĐTPT của Tỉnh là 3,83 tỷ đồng	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

+ Công trình đầu tư xây dựng trụ sở làm việc

Trụ sở làm việc	Quy mô xây dựng	Giá trị thực hiện	Tiến độ
Điện lực Cam Lâm	Xây dựng mới nhà làm việc 03 tầng, diện tích sàn xây dựng 1.017m ² và 1.877m ² đường nội bộ và sân bãi vật tư	9,135 tỷ đồng	Đưa vào sử dụng vào tháng 12/2013.
Điện lực Diên Khánh Khánh Vĩnh	Xây dựng mới nhà làm việc 03 tầng, diện tích sàn xây dựng 1.329m ² .	9,560 tỷ đồng	Đưa vào sử dụng vào tháng 12/2013.
Đội Đường dây và trạm thuộc Điện lực Vĩnh Hải	Xây dựng mới nhà cấp 4, diện tích xây dựng 130,96 m ² ; diện tích cải tạo 57,6m ²	1,025 tỷ đồng	Đưa vào sử dụng vào tháng 12/2013.
Trạm điện Khánh Sơn	Xây dựng mới nhà làm việc kết hợp quầy giao dịch đón tiếp khách hàng, diện tích xây dựng 282m ²	Tổng mức đầu tư: 2,079 tỷ đồng	Đưa vào sử dụng vào tháng 01/2014.
Trung tâm Điều hành Điện lực và kinh doanh Công ty	Xây dựng mới tòa nhà cao 13 tầng và 1 tầng hầm, tổng diện tích sàn xây dựng 15,583m ²	Tổng mức đầu tư: 185,754 tỷ đồng	Đã thực hiện công tác lập qui hoạch, khảo sát địa chất, lập dự án đầu tư, thiết kế với nguồn vốn là 3,8 tỷ đồng.

Đầu tư tài chính

Ngoài lĩnh vực kinh doanh điện năng, thời gian qua Công ty có đầu tư các lĩnh vực khác như chứng khoán, bất động sản, xây dựng và ngân hàng, với tổng giá trị khoảng 51 tỷ đồng, chiếm 90% tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp.

Hiện Công ty đang thực hiện việc thoái vốn các khoản đầu tư ngoài ngành không hiệu quả theo chủ trương của Nhà nước tại Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vina (Land Sài Gòn) và Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung (EVN Land Miền Trung):

Đối với phần vốn góp tại Land Sài Gòn: Công ty đã thực hiện các thủ tục cho việc ủy quyền cho Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh thực hiện việc thoái vốn tại Land Sài Gòn thông qua hình thức bán đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM. Dự kiến sẽ tổ chức đấu giá vào tháng 5/2014.

Đối với phần vốn góp tại ENV Land Miền trung: Công ty đã thực hiện các thủ tục cho việc ủy quyền cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thực hiện việc thoái vốn của Công ty thông qua hình thức bán đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Dự kiến sẽ tổ chức đấu giá trong năm 2014.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

4. Tình hình tài chính của Công ty

a. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	% 2013 so với 2012
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.075,255	1.160,182	107,90%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.900,251	2.241,712	117,97%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	Tỷ đồng	103,884	91,836	88,40%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	33,532	5,709	17,03%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	137,416	97,545	70,99%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	110,626	72,035	65,12%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	%	12		

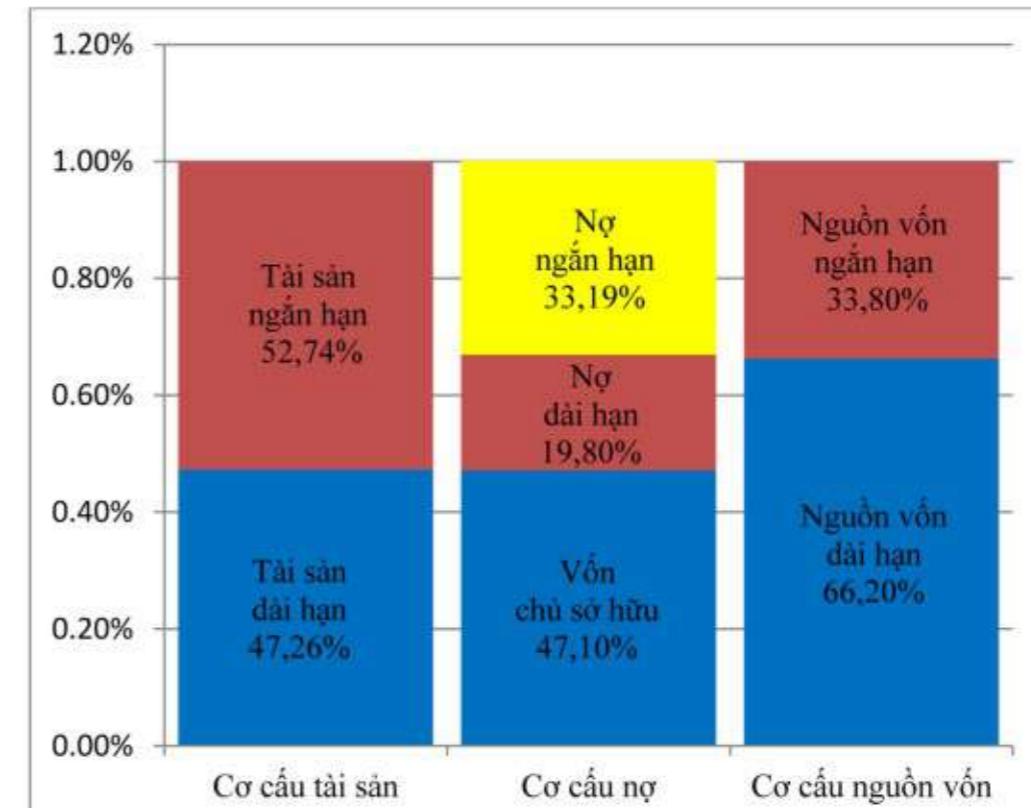
Ghi chú: (*) Trong năm 2013, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%, mức cổ tức năm 2013 sẽ được xác định sau khi ĐHĐCD thường niên 2014 thông qua.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	Chênh lệch 2013 so với 2012
1	Cơ cấu tài sản	%			
	- TSCĐ & đầu tư dài hạn/Tổng tài sản		50,80	47,26	- 3,54
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		49,20	52,74	3,54
2	Cơ cấu nguồn vốn	%			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		49,43	52,90	3,47
	Trong đó: + Nợ ngắn hạn		29,98	33,10	3,12
	+ Nợ dài hạn		19,45	19,80	0,35
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn		50,57	47,10	-3,47
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	28,44	25,67	-2,77
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	176,73	193,22	16,49
	- Vòng quay tài sản	vòng	1,84	2,01	+0,17
4	Tỷ số thanh toán	lần			
	- Thanh toán nhanh		1,46	1,33	-0,13
	- Thanh toán hiện hành		1,64	1,59	-0,05
5	Tỷ số sinh lợi	%			
	- Lợi nhuận sau thuế (*)/Tổng tài sản bình quân		9,3	6,2	-3,1
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		5,82	3,21	-2,61
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH		21,3	13,2	-8,1
	- LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần		5,47	4,10	-1,37

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Ghi chú: (*) Lợi nhuận sau thuế không tính giá trị các tài sản công trình lưới điện tiếp nhận không hoàn vốn từ các nhà đầu tư bên ngoài bàn giao cho Công ty và hỗ trợ lãi vay của Tỉnh.



Cơ cấu tài sản

Các khoản mục như tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn và tài sản cố định chiếm phần lớn tổng tài sản của Công ty.

Trong cơ cấu tài sản của Công ty, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn tương đối cân bằng trong đó tiền và đầu tư ngắn hạn chiếm phần lớn tổng tài sản ngắn hạn và chiếm khoảng 38,99% tổng tài sản doanh nghiệp. Điều này đem đến cho nhà đầu tư nhìn nhận khả quan về tiềm lực kinh doanh của Công ty.

Năm 2013, tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng 3,54% so với năm 2012, trong đó hàng tồn kho trên tổng tài sản tăng 3,41%. Nguyên nhân là do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các công trình tăng 37.822 tỷ đồng. Tài sản cố định mặc dù đã khấu hao trên 2/3 nguyên giá nhưng vẫn chiếm 41,75% tổng tài sản của Công ty.

Cơ cấu nguồn vốn

Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn đạt 52,9% tăng 3,47% so với năm 2012. Nguyên nhân là do Công ty tăng khoản vay dài hạn thêm 29,89 tỷ đồng để đầu tư cải tạo lưới điện, xây dựng mới xuất tuyến và các nhà điều hành tại các Điện lực.

Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn giảm 3,47% so với năm 2012, nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 1,58% so với năm 2012.

Nguồn vốn dài hạn chiếm 66,2%, tài trợ tài sản dài hạn chiếm 47,26%, nên đảm bảo tính chủ động của doanh nghiệp trong việc thu xếp các nguồn vốn đầu tư và đảm bảo an toàn trong điều kiện nền kinh tế có nhiều biến động. Đây là sự đảm bảo cho tính thanh khoản.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Khả năng thanh khoản

Tài sản ngắn hạn chiếm 52,74%, trong đó tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn (gửi tiết kiệm có kỳ hạn) chiếm 38,98%, trong khi đó nợ ngắn hạn chỉ chiếm 33,19%. Khả năng thanh toán tức thời lớn hơn 1 lần, do đó chưa cần phải thu hồi nợ và bán hàng tồn kho, Công ty đã có thể thanh toán tất cả các khoản nợ ngắn hạn.

Năng lực hoạt động

Năm 2013, vòng quay hàng tồn kho giảm 2,77 vòng so với năm 2012 do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các công trình tăng 37.822 tỷ đồng làm cho hàng tồn kho trên tổng tài sản tăng 3,41%. Tuy nhiên, đến năm 2014, khi các công trình này được quyết toán thì tiền năng làm tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác tăng lên.

Tỷ suất lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty đạt 70,89 tỷ đồng (không tính giá trị các tài sản công trình lưới điện tiếp nhận và tiền hỗ trợ lãi vay của Tỉnh), giảm 26,55% so với năm 2012. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng 1,89% so với năm 2012, doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 8,32 tỷ đồng do lãi suất tiền gửi giảm xuống còn 6,8% so với 12,8%/năm của năm trước. Mặc dù Công ty đã tích cực thực hiện các chính sách quản lý chặt chẽ, triệt để tiết giảm chi phí, nhưng tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2013 vẫn giảm 3,1% so với năm 2012.

5. Cơ cấu cổ đông

a. Cổ phần

- + Tổng số cổ phiếu theo từng loại: Cổ phiếu phổ thông: 41.551.296 cổ phiếu.
- + Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không có
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Cổ phiếu phổ thông: 40.051.296 cổ phiếu.
- + Số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 1.500.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cơ cấu cổ đông đến thời điểm ngày 12/3/2014:

Cổ đông Nhà nước

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	393 Trưng Nữ Vương - Đà Nẵng	21.411.427	51,53%

Cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	393 Trưng Nữ Vương - Đà Nẵng	21.411.427	51,53%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Cổ đông sáng lập (*)

STT	Tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (**)		18 Trần Nguyên Hãn Hà Nội	21.411.427	51,53%
2	Bùi Quang Hùng	1955	53A Yersin - Nha Trang Khánh Hòa	51.198	0,12%
3	Cao Thành Đức	1949	55 Cao Bá Quát - Nha Trang Khánh Hòa	6	0,00001%
4	Cao Thụy	1947	9A Lê Thánh Tôn - Nha Trang Khánh Hòa	662	0,002%

Ghi chú: (*) Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 30/6/2005, vì vậy tính đến thời điểm hiện tại, mọi điều kiện chuyển nhượng áp dụng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

(**) Tổng Công ty điện lực Miền Trung được nhận quyền quản lý vốn Nhà nước từ cổ đông sáng lập là Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ tháng 04/2010.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 12/3/2014:

DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Cổ đông cá nhân	15.462.429	37,27%	620.770	1,49%	16.083.199	38,71%
Từ 5% trở lên	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Dưới 5%	15.462.429	37,27%	620.770	1,49%	16.083.199	38,71%
Cổ đông pháp nhân	21.435.583	51,59%	2.532.514	6,09%	23.968.097	57,68%
Từ 5% trở lên	21.411.427	51,53%	0	0,00%	21.411.427	51,53%
Dưới 5%	21.156	0,06%	2.532.514	6,09%	2.556.670	6,15%
Cổ phiếu quỹ	1.500.000	3,61%	-	0,00%	1.500.000	3,61%
Tổng cộng	39.879.528	95,97%	1.671.768	4,03%	41.551.296	100,00%

Bao gồm 3.551 cổ đông sở hữu 40.051.296 cổ phiếu

(Không tính 1.500.000 cổ phiếu quỹ)

1. Tổ chức, trong đó :	58 cổ đông sở hữu 23.968.097 cổ phiếu
- Trong nước	47 cổ đông sở hữu 21.435.583 cổ phiếu
- Ngoài nước	11 cổ đông sở hữu 2.532.514 cổ phiếu
2. Cá nhân, trong đó :	3.493 cổ đông sở hữu 16.083.199 cổ phiếu
- Trong nước	3.367 cổ đông sở hữu 15.462.429 cổ phiếu
- Ngoài nước	126 cổ đông sở hữu 620.770 cổ phiếu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

c.Cổ tức

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 với tỷ lệ 9% bằng tiền mặt trên vốn điều lệ lưu hành 400.512.960.000 đồng, tương ứng với số tiền là 36.046.166.400 đồng. Đồng thời tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ lưu hành với số tiền là 20.025.648.000 đồng.

Mức cổ tức của năm 2013 sẽ được thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2014.

d. Tình hình thay đổi vốn đầu tư

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đ)	Phương thức tăng vốn	Vốn điều lệ (đ)
Khi thành lập 07/2005			163.221.000.000
Lần 1: 09/2007	10.869.860.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 15:1 cho cổ đông	174.090.860.000
Lần 2: 07/2009	34.809.820.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5:1 cho cổ đông	208.900.680.000
Lần 3: 03/2010	206.612.280.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cho cổ đông chiến lược là Tập đoàn Điện lực Việt Nam	415.512.960.000

e.Cổ phiếu quý

Số lượng cổ phiếu quý của Công ty là 1.500.000 cổ phiếu. Trong năm 2013, Công ty không thực hiện các giao dịch cổ phiếu quý.

6. Các công ty con - công ty liên kết

Công ty con: Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò

Địa chỉ: 12A Yersin – phường Vạn Thạnh – Tp Nha Trang – Khánh Hòa.

Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò (SCC) có lĩnh vực hoạt động chính là: sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện. Tỷ lệ phần vốn góp của KHPC là 58,875% vốn điều lệ của SCC. Hiện tại, vốn điều lệ của SCC là 40 tỷ đồng, tổng số vốn góp vào SCC đến thời điểm 31/12/2013 là 9.787.630.000 đồng chiếm 24,47% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động

Hiện tại, chủ trương của HDQT Công ty là giao Tổng Giám đốc nghiên cứu và tìm đối tác khác tham gia đầu tư. Trước mắt, tạm ngưng tiến độ thi công dự án này. SCC hiện đang xúc tiến làm việc với đối tác nước ngoài là Công ty cổ phần Maddock – Cộng hòa Czech (nay là DJI) để xây dựng phương án hợp tác đầu tư.

Về kết quả sản xuất kinh doanh: Do từ năm 2011, SCC tạm gián tiến độ thi công nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 không có phát sinh lớn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Công ty liên kết: Công ty cổ phần bê tông ly tâm ĐLKH

Địa chỉ: Lô C5, 6, 7, 8 – Khu công nghiệp Đắc Lộc – xã Vĩnh Phương – Tp Nha Trang – Khánh Hòa.

Công ty cổ phần bê tông ly tâm ĐLKH (KPCECO) có lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông ly tâm công nghiệp. Vốn điều lệ của KPCECO là 15 tỷ đồng, tỷ lệ phần vốn góp của KHP là 31% vốn điều lệ với tổng số tiền là 4,65 tỷ đồng.

Tình hình hoạt động

Trong năm 2013, tình hình sản xuất kinh doanh của KPCECO nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhất là 2 quý đầu năm 2013. Bước sang quý 3, KPCECO đã ký kết được một số hợp đồng cung cấp ống cống cho các công trình Khu dân cư tại huyện Đông Hòa - tỉnh Phú Yên, và các công trình nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân – tỉnh Ninh Thuận, đến quý 4 các công trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được triển khai trở lại, đặc biệt KPCECO cũng đã ký kết một số hợp đồng cung cấp ống cống và trụ điện cho dự án sửa chữa Quốc lộ 1 của tỉnh Khánh Hòa.

Dự kiến KPCECO sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên 2014 thông qua mức cổ tức của năm 2013 là 9,5%.

Kết quả sản xuất kinh doanh

STT	Khoản mục	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	35.000	41.424	118,36%
2	Chi phí	Tỷ đồng		38.554	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		2.896	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.939	2.113	111,25%

7. Các hoạt động khác

a. Các hoạt động vị cộng đồng

Năm 2013 Công ty đã thực hiện một số các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện cụ thể như sau:

Vận động CBCNV tham gia quyên góp ủng hộ theo phái động của Công đoàn cấp trên như: Quỹ tương trợ xã hội với tổng số tiền 125.382 triệu đồng; ủng hộ các đơn vị trong Tổng Công ty bị thiệt hại do bão số 10 gây ra với số tiền 64.374 triệu đồng; ủng hộ các huyện nghèo tỉnh Lai Châu số tiền 116.630 triệu đồng.

Trích từ nguồn Quỹ tương trợ xã hội Công ty ủng hộ các hoạt động xã hội từ thiện như: tổ chức thăm hỏi và tặng 450 suất quà cho đồng bào nghèo các xã, phường trên địa bàn Tỉnh trong dịp Tết Quý Tỵ năm 2013 với tổng số tiền 90 triệu đồng.

Thăm hỏi và hỗ trợ CB CNV Công ty Điện lực Quảng Bình 50 triệu đồng; thăm hỏi và hỗ trợ 105 triệu cho 105 hộ gia đình tại các xã Quảng Thọ, Quảng Thủy - Tỉnh Quảng Bình bị thiệt hại do cơn bão số 10.

Xây một nhà tình nghĩa trị giá 50 triệu đồng cho một hộ nghèo và cũng là đối tượng xuất ngũ phục viên khuyết tật tại Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm.



Các sản phẩm của KPCECO



Chia sẻ khó khăn với đồng bào miền Trung bị thiệt hại do cơn bão số 10

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Chi hỗ trợ các hội, quỹ xã hội địa phương như: quỹ vì người nghèo, quỹ Tấm lòng vàng, ủng hộ trẻ em vùng lũ, trẻ em cơ nhỡ với số tiền là 27,5 triệu đồng.

Nâng mức phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng lên mỗi tháng một triệu đồng.

Chi thăm hỏi cán bộ hưu trí của Công ty nhân dịp Tết cổ truyền, các ngày lễ lớn trong năm với số tiền là 95,5 triệu đồng.



Trao học bổng "Ước mơ Việt Nam"



Tặng quà cho các hộ nghèo tại huyện Ninh Hòa nhân dịp Tết Giáp Ngọ

b. Một số giải thưởng của Công ty

Giải thưởng "Top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam" năm 2013

Với những đóng góp trong năm 2013, Công ty đã được vinh danh trong Lễ công bố Bảng xếp hạng 1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam năm 2013 được tổ chức vào ngày 29/11/2013 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội.

Lễ chứng nhận xếp hạng cho 1000 Doanh nghiệp đã được Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), phối hợp cùng Báo VietnamNet, Tạp chí Thuế - Tổng cục Thuế tổ chức long trọng.

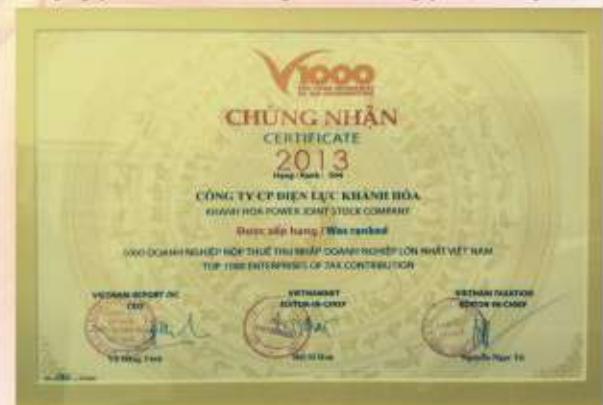
Vinh dự xếp thứ hạng 504/1000, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa không chỉ khẳng định sự phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh, đạo đức kinh doanh mà còn xây dựng một hình ảnh tốt đẹp đến với các đối tác trong và ngoài nước. Đây cũng là nền tảng tạo dựng uy tín thương hiệu của Công ty trước pháp luật, cơ quan thuế, chính quyền địa phương và cộng đồng xã hội.



Gặp mặt cán bộ hưu trí nhân dịp Tết Giáp Ngọ



Ông Nguyễn Thành Lâm - Tổng Giám đốc Công ty nhận chứng nhận



Giấy chứng nhận xếp hạng nộp thuế năm 2013 của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Giải thưởng "Top 100 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc" năm 2013

Ngày 22/02/2014, tại Thủ đô Vientiane - Lào, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã vinh dự được trao chứng nhận đã đạt giải thưởng "Top 100 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc" năm 2013 do Bộ Công Thương Lào, Bộ Thông Tin Văn Hóa và Du Lịch Lào, Liên Hiệp các hội Khoa Học Kỹ Thuật Việt Nam, Hiệp Hội Doanh Nghiệp nhỏ và vừa Ngành Nghề Nông Thôn, Trung Tâm Nghiên Cứu Bảo Tồn và Phát Huy VHDT Việt Nam tổ chức.



Lễ trao giải thưởng "Top 100 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc"

KHPC được bình chọn "Top 300 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2013"

Ngày 10/01/2014, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Hà Nội, Lễ công bố Bảng xếp hạng quốc gia về việc làm BestViet 50 và BestViet 300 đã được tổ chức.

Chương trình được thực hiện dưới sự bảo trợ và công bố thường niên của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tạp chí Lao động Xã hội và Công ty Nghiên cứu môi trường làm việc Việt Nam (Vietnam JobReview) nhằm hỗ trợ và động viên các doanh nghiệp xây dựng môi trường làm việc xứng đáng và công bằng cho người lao động.

Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã được đánh giá và xếp hạng thứ 153 theo các tiêu chí: quy mô tuyển dụng, tạo việc làm thường xuyên, ổn định, chống thất nghiệp, chính sách đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực, cải thiện môi trường làm việc, chính sách đãi ngộ tốt đối với người lao động...



Ông Trần Đăng Hiền - Phó Tổng Giám đốc Công ty nhận giải bình chọn

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Đánh giá chung

Trong năm 2013, cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa chủ yếu là dịch vụ, du lịch và công nghiệp, tạo điều kiện cho khu vực này có mức tăng trưởng GDP cao và ổn định hơn so với mức bình quân trên cả nước (GDP tăng 8,3%). Trong đó, doanh thu du lịch tăng trên 30%, nhu cầu tiêu thụ điện hàng năm của Tỉnh cũng sẽ tăng trưởng tương ứng. Đây chính là động lực thúc đẩy sản lượng điện thương phẩm hàng năm của Công ty tăng cao. Doanh thu năm 2013 đạt 2.151 tỷ đồng và tăng 17,2% so với năm 2012. Tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu và lợi nhuận sau thuế từ 2008 -2012 tương ứng là 22% và 25%.

Mặc dù có xu hướng dài hạn là tăng trưởng về lợi nhuận sau thuế nhờ tăng trưởng sản lượng điện thương phẩm và doanh thu. Song về ngắn hạn, mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế trong năm 2013 giảm so với năm 2012 là do các nguyên nhân chính sau:

- Năm 2013 lợi nhuận kinh doanh điện giảm so với năm 2012 là do suy thoái kinh tế nên tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm không đạt so với kế hoạch đề ra.
- Lãi từ hoạt động tài chính giảm từ 9 tỷ đồng xuống còn 6,3 tỷ đồng do lãi suất tiền gửi năm 2013 giảm xuống còn 6,8% so với 12,8%/năm của năm trước.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2013 tăng 41% so với 2012, đạt 10,7 tỷ đồng so với 7,6 tỷ đồng của năm trước khiến tỷ lệ chi phí trên tổng doanh thu tăng lên 1,7% so với 1,4% cùng kỳ năm trước đó. Nguyên nhân là do Công ty đã thiết lập 3 phòng giao dịch khách hàng và thu tiền điện.
- Điều chỉnh giá mua điện đầu vào của Công ty từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, theo đó giá bán điện đầu vào cho Công ty sẽ điều chỉnh tăng lên 1.234,1 đồng/kWh. Với mức giá mới này, giá vốn mua điện đầu vào sẽ bị điều chỉnh tăng lên 5,4%.
- Từ năm 2013 trở đi, Công ty không được hưởng miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Giá trị tài sản công trình lưới điện bàn giao không hoàn vốn từ các nhà đầu tư bên ngoài trong năm 2013 là 0,378 tỷ đồng, thấp hơn so với năm 2012 (18,813 tỷ đồng).

b. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu:

◆ Điện thương phẩm

Năm 2013, với việc suy giảm hoạt động SXKD của các phụ tải lớn đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm của Công ty. Tổng sản lượng điện cả năm 2013 là 1.342,775 triệu kWh, tăng 5,85% so với năm 2012.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

◆ Tổn thất điện năng



Tổn thất điện năng ký thuật toàn Công ty năm 2013 là 5,93%, giảm 0,3% so với năm 2012 và giảm 0,22% so kế hoạch được giao. Trong đó, tổn thất điện năng trên lưới 110kV là 1,44%, tăng 0,06% so với năm 2012, tổn thất trên lưới phân phối là 4,67% giảm 0,39% so với năm 2012.

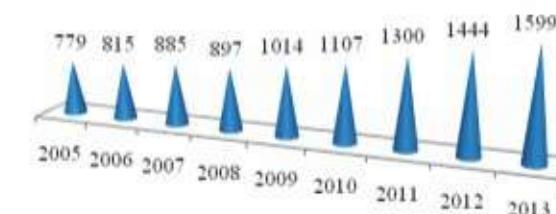
Công ty nằm trong danh sách các công ty có tỷ lệ tổn thất điện năng thấp trong ngành, cụ thể đạt 5,93% năm 2013, thấp hơn so với chỉ tiêu EVNCPC giao khoảng 0,22%.

Một số giải pháp chính đã thực hiện để giảm tổn thất điện năng:

- Thực hiện các công trình sửa chữa lớn và đầu tư xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp lưới điện trung hạ áp góp phần giảm tổn thất điện năng trên lưới trung áp.
- Các thông số vận hành như điện áp, hệ số công suất các xuất tuyến bão đảm theo quy định.
- Hoán chuyển các vị trí tụ bù trung áp tại các vị trí phù hợp.
- Tổ chức tốt công tác thay thế công tơ định kỳ, thay chuyển đổi công tơ điện tử.
- Công tác kiểm tra sử dụng điện được tổ chức thường xuyên và liên tục với 18.563 lượt kiểm tra, phát hiện 23 vụ vi phạm và truy thu sản lượng cả năm là 41.555 kWh.

◆ Giá bán điện

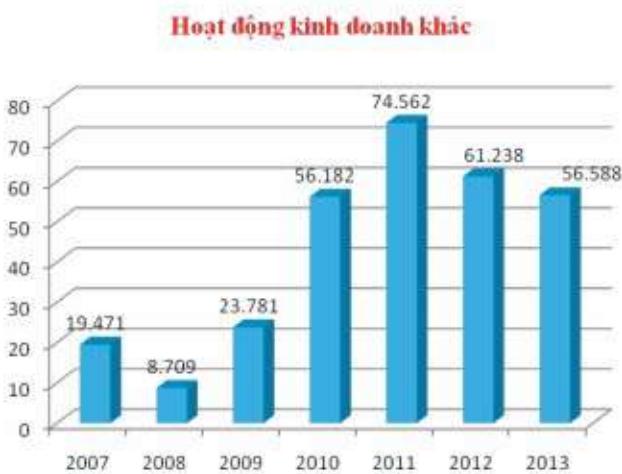
Giá bán điện bình quân



Kết quả thực hiện giá bán điện của toàn Công ty năm 2013 là 1.598,75 đồng/kWh, tăng 2,81% tương ứng với 43,75 đồng so với kế hoạch ĐHĐCD giao, tăng 10,7% tương ứng với 154,64 đồng so với giá bán điện thực hiện năm 2012, trong đó giá bán điện tăng do Chính phủ điều chỉnh 2 lần là 6,9% tương ứng với 110,31 đồng và giá bán điện tăng còn lại là 44,33 đồng do công tác quản lý, kiểm soát, tăng trưởng phụ tải và chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.

Ngoài nguyên nhân tăng giá bán điện của Chính phủ, Công ty đã tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp áp giá bán điện, thay thế công tơ điện tử ba giá, tạo thuận lợi cho các phụ tải sớm đi vào hoạt động,... đồng thời kết hợp công tác thay công tơ, TI, TU định kỳ.

◆ **Hoạt động kinh doanh khác**



Các hoạt động dịch khác ngoài điện như xây lắp, tư vấn thiết kế, mốc dây đặt đèn, dịch vụ điện, nhượng bán vật tư, hoạt động tài chính Trong năm 2013, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác trước thuế đã đem về 56.588 tỷ đồng cho Công ty, bằng 92,41% so với năm 2012.

Để hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận ĐHĐCD giao Công ty đã đẩy mạnh các loại hình sản xuất kinh doanh khác, nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Kết quả tất cả các loại hình kinh doanh khác đều hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đề ra. Các giải pháp đã thực hiện:

- Tiếp tục áp dụng Quy chế thưởng từ lợi nhuận hoạt động kinh doanh dịch vụ khác để đẩy mạnh các hoạt động xây lắp điện, tư vấn thiết kế, cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.
- Đẩy mạnh dịch vụ bảo hành công trình điện cho khách hàng sau thi công.
- Tăng cường hoạt động cho thuê MBA cho khách hàng, ...
- Lợi nhuận từ hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế, giám sát, đóng cát điện, thí nghiệm điện đạt 12.334 tỷ đồng, vượt 2,6 tỷ đồng và tăng tương đương 26,72% so với năm 2012.

Mặc dù vượt kế hoạch lợi nhuận song so với năm 2012 lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm do lãi suất tiền gửi giảm nên tổng lợi nhuận kinh doanh khác vẫn thấp hơn năm 2012.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Cuối năm 2013, tổng tài sản đạt 1.160,18 tỷ đồng, tăng 7,9% so tổng tài sản cuối năm 2012. Trong đó tài sản ngắn hạn đạt 611,89 tỷ đồng tăng 15,7% so với cuối năm 2012. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng tài sản ngắn hạn là do đầu tư ngắn hạn cuối năm 2013 đạt 232 tỷ đồng, tăng 214,5 tỷ đồng so năm 2012 (một phần do chuyển 15 tỷ đồng từ đầu tư dài hạn thành đầu tư ngắn hạn, chuyển một phần vốn từ tài khoản thanh toán sang tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng), hàng tồn kho tăng 44,15 tỷ đồng (do vật tư mua cuối năm 2013 chuẩn bị sẵn sàng cho việc thi công một số công trình như công trình mở rộng Quốc lộ 1A, cải tạo xuất tuyến 872 E. Vạn Giã... khởi công vào cuối 2013 và kéo dài trong năm 2014), các khoản phải thu ngắn hạn giảm 4 tỷ đồng.

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định năm 2013 đạt 4,83 lần tăng 0,93 lần so với mức đạt năm 2012 là 3,9 lần. Điều này có nghĩa cứ 1 đồng giá trị còn lại của TSCĐ năm 2013 mang lại 4,83 đồng doanh thu thuần, tăng 0,93 đồng so mức đạt năm 2012 là 3,9 đồng. Nguyên nhân làm tăng hiệu suất sử

dụng TSCĐ là do tốc độ tăng doanh thu thuần tăng nhanh hơn tốc độ tăng của TSCĐ. Doanh thu thuần 2013 đạt 2.241 tỷ đồng, tăng 341 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 18% so mức đạt 2012. Giá trị còn lại TSCĐ 2013 đạt 464 tỷ đồng, giảm 23,6 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 4,9% so mức đạt TSCĐ năm 2012.

Mặc dù vậy, tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản năm 2013 đạt 6,4%, giảm 4,3% so với mức đạt năm 2012. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 72 tỷ đồng, giảm 40 tỷ đồng so với mức đạt 2012 là 110 tỷ đồng, trong khi đó mức tổng tài sản bình quân năm 2013 đạt 1117 tỷ đồng, tăng 85 tỷ đồng so mức tài sản năm 2012 là 1032 tỷ đồng.

b. Tình hình nợ phải trả

Cuối 2013, nợ phải trả đạt 613 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 52,9% trong tổng nguồn vốn, tăng 82 tỷ đồng so mức đạt cuối năm 2012, tương ứng tỷ lệ tăng 15,5%. Trong đó nợ ngắn hạn đạt 383,9 tỷ đồng, tăng 19% so mức đạt cuối 2012. Nợ dài hạn đạt 229 tỷ đồng, tăng 20,5 tỷ đồng so mức đạt 2012, tăng 9,8%.

Nguyên nhân là do Công ty khai linh hoạt trong sử dụng nguồn vốn thanh toán. Khoản phải trả cho người bán đạt 215 tỷ đồng, tăng 31% so với mức đạt 2012; Khoản người mua trả tiền trước đạt 42,6 tỷ đồng, tăng 131% so với 2012, tăng chi phí phải trả 5,5 tỷ đồng; khoản vay nợ ngắn hạn 2,6 tỷ đồng. Công ty tăng các khoản vay dài hạn để cải tạo hệ thống lưới điện 15kV EVN Giả, xây dựng mới xuất tuyến 374-E27 và xây dựng trạm biến áp 110kV bán đảo Cam Ranh, xây dựng nhà điều hành Diên Khánh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công tác tổ chức sản xuất

Trong năm 2013, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy tổ chức sản xuất, Công ty đã thực hiện thành lập lại một số phòng, ban chức năng cũng như cơ cấu lại mô hình tổ chức của các Điện lực trực thuộc:

- Giải thể Ban quản lý dự án lưới điện từ ngày 01/01/2013.
- Thành lập Phòng đầu tư xây dựng từ ngày 01/01/2013.
- Thành lập lại Phòng kế hoạch từ ngày 01/01/2013.
- Thành lập Phòng kiểm tra – giám sát mua bán điện từ ngày 01/3/2013.
- Sáp nhập các TBA 110kV vào Xí nghiệp lưới điện 110kV và đổi tên thành Xí nghiệp lưới điện cao thế từ ngày 01/3/2013.
- Thành lập Ban quản lý dự án nhà điều hành từ ngày 01/10/2013.
- Công ty đã triển khai áp dụng mô hình Điện lực theo mô hình chung của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung từ ngày 01/7/2013.

Công tác tổ chức lao động, tổ chức cán bộ

- Thực hiện công tác điều động, luân chuyển cán bộ đối với cấp Giám đốc/Trưởng đơn vị kể từ ngày 01/3/2013 với thời gian điều động, luân chuyển là 3 năm.
- Điều động, bổ nhiệm một số cán bộ quản lý để phù hợp với mô hình tổ chức Điện lực.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Để xây dựng được một đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực chuyên môn, có tư cách đạo đức và có tâm huyết đối với công việc được giao nhằm phục vụ cho quá trình phát triển cũng như đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2013, Công ty đã liên tục cho CBCNV tham gia các lớp nâng cao kiến thức, kỹ năng như: nghiệp vụ, kiến thức quản lý hệ thống đo đếm, quản lý khách hàng, kiểm tra sử dụng điện, tập huấn công tác văn thư, nghiệp vụ đấu thầu, bồi dưỡng nghề và các lớp đào tạo theo chuyên đề... Tổng số được đưa đi đào tạo là 606 lượt người với tổng kinh phí thực hiện là 561 triệu đồng.

Tổ chức thi chức danh định kỳ tại 12 trạm biến áp 110kV. Công nhận chức danh đối với 104 công nhân sau kỳ thi và xếp lại lương đối với các trường hợp thay đổi chức danh. Đã triển khai tổ chức bồi dưỡng đối với 167 công nhân với 13 ngành nghề khác nhau. Triển khai tổ chức bồi huấn, kiểm tra đối với 8 điều độ viên với sự tham dự của Trung tâm điều độ hệ thống điện miền trung A3 và Tổng công ty Điện lực Miền Trung EVNCPC.

4. Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhằm hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số giải pháp điều hành như sau:

Các giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh

Năm 2013, Công ty đã tập trung thực hiện cải thiện các nhóm chỉ tiêu về quản trị doanh nghiệp, về độ tin cậy cung cấp điện và về chất lượng phục vụ và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, nâng cao uy tín của đơn vị đối với chính quyền và nhân dân địa phương.

Trong năm, Công ty cũng đã cơ bản hoàn thành những mục tiêu đề ra đối với công tác an toàn – vệ sinh lao động thông qua việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền về an toàn lao động - vệ sinh lao động bằng các biện pháp, hình thức sâu rộng, có tác dụng thiết thực đến từng CBCNV, để mọi người hiểu được tầm quan trọng của việc thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động.

Công tác kiểm tra đột xuất tại hiện trường được lãnh đạo Công ty, lãnh đạo các đơn vị đặc biệt quan tâm, kịp thời phát hiện các thiếu sót, các yếu tố nguy hiểm dễ dẫn đến tai nạn lao động. Trong năm qua Công ty kiểm tra lập biên bản 110 trường hợp, trong đó các đơn vị có sai phạm bị trừ điểm thi đua và thông báo trong toàn Công ty để các đơn vị rút kinh nghiệm. Tại các đơn vị, kỷ sư an toàn cùng lãnh đạo đơn vị thường xuyên kiểm tra hiện trường, các sai phạm đều được các đơn vị xử lý theo qui chế của đơn vị.

Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ của năm kinh doanh và dịch vụ khách hàng, Công ty đã tập trung triển khai thực hiện một số nội dung: thu tiền điện qua Ngân hàng với tỷ lệ thu tiền điện qua ngân hàng chiếm 15% trong tổng doanh thu tiền điện, tăng hơn 23% so với năm 2012. Tổng số giao dịch thu tiền điện qua ngân hàng năm 2013 tăng 27% so với năm 2012. Công ty đã phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin (EVNIT) triển khai trang web chăm sóc khách hàng của EVN với chức năng là kênh thông tin giao tiếp trực tuyến trên mạng Internet giữa khách hàng và ngành điện. Ngoài ra, Công ty đã phối hợp với EVNIT và Viettel triển khai dịch vụ nhắn tin chăm sóc khách hàng sử dụng điện, kết hợp triển khai thí điểm thành công hóa đơn điện tử tại 2 phường thuộc thành phố Nha Trang.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tiếp tục triển khai nhiều hình thức tuyên truyền tiết kiệm điện. Ngoài những hoạt động như gởi tờ rơi, thư ngỏ, treo băng rôn, pano... Công ty cũng đã tổ chức chương trình thi đua "Gia đình tiết kiệm điện năm 2013" tại thành phố Cam Ranh và phát động cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia đình cùng hưởng ứng. Sản lượng điện tiết kiệm trên địa bàn toàn Tỉnh năm 2013 là 27.635.466 kWh, bằng 2.28% so với điện thương phẩm.

Phát triển nguồn nhân lực

Trong năm 2013, thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị về việc xây dựng đội ngũ nhân viên theo hướng "Giỏi hơn, chuyên nghiệp hơn, thu nhập cao hơn", Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Phòng tổ chức nhân sự và các đơn vị liên quan thực hiện những nhiệm vụ sau:

Nâng cao các tiêu chuẩn trong tuyển dụng và các chuẩn mực trong sàng lọc nguồn nhân lực. Tăng cường công tác đào tạo CBCNV thông qua việc tăng ngân sách đào tạo, lập kế hoạch ngân sách và xây dựng chương trình đào tạo cụ thể.

Ứng dụng phương pháp phân phối lương mới theo hướng công khai minh bạch hơn, gắn thu nhập của người lao động với hiệu quả công việc.

Đối với nhân sự tại các Điện lực, Xí nghiệp: xây dựng chính sách thu nhập hợp lý, dần gắn thu nhập với hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo sự gắn bó, nâng cao trách nhiệm và khuyến khích sự nỗ lực của người lao động đối với công việc. Thường xuyên rà soát, đánh giá đội ngũ nhân sự tại các Điện lực, Xí nghiệp thông qua công tác kiểm soát, thanh tra.

Chuẩn bị đội ngũ kế thừa, đội ngũ dự nguồn nhân lực có năng lực, đảm bảo sự tiếp nối vững chắc giữa các thế hệ cán bộ công nhân viên nói chung và các cấp quản trị nói riêng.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Phấn đấu thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 do ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 giao.

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền tiết kiệm điện; phát động và trao giải thưởng gia đình tiết kiệm điện; phấn đấu tiết kiệm 1,5% điện thương phẩm.

Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng, nâng cao năng lực quản lý dự án, nâng cao chất lượng thẩm định hồ sơ tư vấn thiết kế, đảm bảo các dự án đầu tư đúng tiến độ, đạt chất lượng và hiệu quả.

Hoàn thành khối lượng, đảm bảo chất lượng, đảm bảo tiến độ thi công, nghiệm thu và quyết toán các công trình sửa chữa lớn lưới điện. Phấn đấu tiết kiệm ít nhất 15% chi phí sửa chữa lớn.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 949/CT-EVN, đổi mới và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, CNTT để mang đến cho khách hàng nhiều dịch vụ tiện ích trong hoạt động kinh doanh điện năng; làm thay đổi nhận thức của đội ngũ CBCNV trực tiếp giao dịch với khách hàng trong lĩnh vực kinh doanh, mang lại niềm tin cho khách hàng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác an toàn lao động, tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, phấn đấu không để xảy ra tai nạn lao động, đặc biệt là tai nạn lao động chết người do vi phạm qui trình.

Triển khai các giải pháp nhằm "tối ưu hóa chi phí" trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chủ đề năm 2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2013, nền kinh tế trong nước có dấu hiệu phục hồi nhưng chậm, nhu cầu sử dụng điện tăng trưởng thấp; bên cạnh đó các nỗ lực tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả đã phát huy tác dụng nên đã không xảy ra tình trạng thiếu điện trong mùa khô, không thực hiện tiết giảm điện trên toàn quốc nói chung và trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói riêng.

Tại tỉnh Khánh Hòa, tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chậm, đặc biệt công ty Huynhđai Vinashin thiếu hợp đồng đóng tàu đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng chỉ số phát triển công nghiệp năm 2013 của tỉnh (tỷ trọng giá trị sản xuất đóng tàu chiếm đến 26,8% giá trị sản xuất công nghiệp của Tỉnh); vốn thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách (bao gồm các dự án FDI) đạt thấp...

Năm 2013 được Tập đoàn Điện lực Việt Nam chọn là "năm kinh doanh và dịch vụ khách hàng" nhằm tạo sự thay đổi căn bản về nhận thức trong toàn ngành đối với công tác kinh doanh điện năng và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng; để thực hiện tốt các nhóm chỉ tiêu quản trị doanh nghiệp, nhóm chỉ tiêu độ tin cậy cung cấp điện, nhóm chỉ tiêu về chất lượng dịch vụ khách hàng và đặc biệt là việc thiết lập các phòng giao tiếp khách hàng theo chuẩn mới đòi hỏi phải đầu tư nguồn nhân lực, vật lực khá lớn.

Bên cạnh những thuận lợi (không tiết giảm điện, giá bán bình quân cao ...), Công ty cũng phải đối mặt với không ít những khó khăn (tốc độ tăng điện thương phẩm thấp, phát sinh một loạt các chi phí, cần có thời gian để ổn định tổ chức, tư tưởng cán bộ ...); đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể CBCNV công ty phải có sự nỗ lực rất lớn mới có thể hoàn thành được các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

HĐQT đánh giá cao những nỗ lực khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được giao của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao: hoàn thành tốt các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong năm 2013; thực hiện cung cấp điện đầy đủ, an toàn và chất lượng đảm bảo tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; dịch vụ khách hàng ngày càng tốt hơn; đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình SXKD ...

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Với kết quả đã đạt được trong năm 2013, HĐQT đánh giá cao về hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Những chủ trương, quyết sách và chỉ đạo của HĐQT đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ đã được Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ và đạt được những kết quả tốt.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện theo đúng chủ trương của HĐQT về việc thực hiện công tác luân chuyển điều động các Giám đốc/Trưởng các phòng ban chức năng. Triển khai áp dụng mô hình tổ chức chung cho các Điện lực trực thuộc. Thực hiện kế hoạch tuyển dụng lao động trong năm 2014. Tuân thủ đúng theo Quy chế phân cấp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần quan tâm hơn nữa trong chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn lao động, giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Dự đoán tình hình kinh tế chưa thể có chuyển biến tích cực trong giai đoạn tới, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như chuẩn bị cho các mục tiêu dài hạn của Công ty, HĐQT định hướng thực hiện các chủ trương sau:

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về công tác sản xuất

Nhanh chóng củng cố năng lực, chất lượng của hệ thống lưới điện trong năm 2014, cải thiện tình hình sự cố và nâng cao năng lực cấp điện. Quan tâm đến công tác quản lý vận hành, thí nghiệm định kỳ, duy tu bảo dưỡng TBA.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động nhằm giảm thiểu tai nạn lao động, giảm số vụ vi phạm an toàn hành lang lưới điện cao áp. Tập trung từng bước xử lý triệt để các nguy cơ có thể xảy ra tai nạn lao động; thực hiện tốt công tác kiểm tra hiện trường sản xuất; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Củng cố, nâng cao năng lực điều hành lưới điện. Đầu tư tự động hóa các TBA còn lại để triển khai vận hành TBA một người trực khi điều kiện cho phép.

Củng cố năng lực hoạt động của các Điện lực cấp huyện: xây dựng cơ sở làm việc, trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ làm việc, nâng cao khả năng ứng phó sự cố của các Điện lực...

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở: tuyên truyền và thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng. Tập trung đẩy mạnh việc tiết kiệm chi phí trong hoạt động SXKD và đầu tư xây dựng (ĐTXD). Tiến hành thanh xử lý vật tư thiết bị không sử dụng, thu hồi tồn kho kém chất lượng.

Về công tác kinh doanh

Xây dựng chương trình giảm tổn thất điện năng năm 2014 cho từng Điện lực và Xí nghiệp lưới điện cao thế để thực hiện tốt chương trình giảm tổn thất điện năng (TTDN) đề ra.

Nâng cao khả năng hoạt động, củng cố bộ máy tổ chức của bộ phận kiểm tra giám sát sử dụng điện của Công ty. Tăng cường kiểm tra việc áp giá bán điện đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng, không để thất thu về giá, có biện pháp chống ăn cắp điện, đẩy mạnh việc lắp đặt công tơ điện tử nhiều biểu giá đối với các khách hàng có sản lượng lớn.

Đổi mới và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, CNTT để mang đến cho khách hàng nhiều dịch vụ tiện ích trong hoạt động kinh doanh điện năng; làm thay đổi nhận thức của CBCNV trực tiếp giao dịch với khách hàng, mang lại niềm tin cho khách hàng.

Tiếp tục triển khai Hoá đơn điện tử, tin nhắn SMS, trang Web chăm sóc khách hàng, hoàn thành đưa vào sử dụng các phòng giao tiếp khách hàng của các Điện lực còn lại; ứng dụng mã vạch vào công tác quản lý đo đếm 2 cấp và quản lý thu tiền điện.

Phối hợp chặt chẽ với Sở công thương tiếp tục triển khai các chương trình tiết kiệm điện.

Về công tác đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn

Thực hiện tốt công tác cắt điện để sửa chữa, thi công xây lắp nhằm giảm tối đa thời gian cắt điện, thực hiện đạt các chỉ tiêu liên quan đến giảm suất sự cố và giảm thời gian mất điện cho khách hàng.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các công trình ĐTXD đảm bảo chất lượng, tiến độ và vốn đầu tư của từng công trình. Kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện của các công trình ĐTXD lưới điện trọng điểm. Phấn đấu đạt mục tiêu tiết kiệm 15-20% giá trị sửa chữa lớn theo kế hoạch.

Về công tác phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng lao động khi tuyển dụng mới.

Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn Công ty để tổ chức tốt các phong trào thi đua hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm năm 2014; đảm bảo việc làm, thu nhập và phúc lợi của công nhân lao động.

Các công tác khác

- Tiếp tục tổ chức thuê kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán tuân thủ cho Công ty trong năm 2014.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên thông giới thiệu hình ảnh của Công ty, công tác quan hệ cỗ đồng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HĐQT Công ty

a. Thành viên và cơ cấu

Ông Trần Đình Nhân

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD – Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- ▶ 1986 -1994: Chuyên viên Phòng kế hoạch Công ty Điện lực 3
- ▶ 1994 – 1999: Phó phòng Phát triển Điện nông thôn – MN, Công ty Điện lực 3
- ▶ 1999-2000: Tổ trưởng Tổ QLDA Lưới điện nông thôn Công ty Điện lực 3
- ▶ 2000 – 2002: Phó Giám đốc Ban QLDA Năng lượng NT KV Miền Trung
- ▶ 2003-01/2007: Trưởng Ban QLDA Năng lượng nông thôn KV Miền Trung
- ▶ 02/2007-3/2010: Phó Giám đốc Công ty Điện lực 3
- ▶ 4/2010- 6/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
- ▶ 7/2010 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.



Số lượng cổ phần nắm giữ:

-Đại diện sở hữu: 13.101.167 cổ phần, chiếm 31,53% vốn điều lệ Công ty

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bất động sản Điện lực Miền Trung
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Trung.

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện

Quá trình công tác:

- ▶ 1984 - 05/1990: Chuyên viên Phòng kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 6/1990 – 11/1994: Phó phòng kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 11/1994 - 06/2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 7/2005 - 4/2008: TV Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty
- ▶ 15/4/2008 - đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty



Số lượng cổ phần nắm giữ:

-Đại diện sở hữu: 4.151.130 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ Công ty

-Cá nhân sở hữu: 41.648 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ Công ty.

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác:

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thiết bị điện Vinasino.
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Tonkin.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông: Trịnh Minh Quang

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật và QTKD

Quá trình công tác:

- ▶ 10/1991- 08/1996: Công tác tại Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Trung)
- ▶ 09/1996 - 2/2003: Phó trưởng phòng Thanh tra Công ty Điện lực 3
- ▶ 03/2003 - 3/2010: Phó Chánh Văn Phòng Công ty Điện lực 3
- ▶ 04/2010 - 3/2011: Trưởng Ban pháp chế Tổng công ty Điện lực miền Trung
- ▶ 04/2011 - đến nay: Chánh văn phòng Tổng Công ty điện lực miền Trung
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa



Số lượng cổ phần nắm giữ:

-Đại diện sở hữu: 4.151.130 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ Công ty

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác:

Ông Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh: 1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ▶ 1975-1977: Kế toán Công ty lương thực Phú Khánh
- ▶ 1977-1981: Học khoa kinh tế - Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng
- ▶ 1982-1990: Nhân viên phòng kế toán Điện lực
Khánh Hòa (DLKH)
- ▶ 6/1990-8/1992: Phó Trưởng phòng kế hoạch DLKH
- ▶ 9/1992- 6/2005: Trưởng Phòng kế hoạch DLKH
- ▶ 7/2005-15/4/2007: Trưởng Phòng kế hoạch Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 16/4/2007 – 03/2011: Thành viên HĐQT- Chủ tịch công đoàn Công ty – Trưởng
Phòng kế hoạch Công ty.
- ▶ 04/2011 – đến nay: Thành viên HĐQT- Chủ tịch công đoàn Công ty



Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 30.720 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ Công ty.

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác:

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Dương Như Hùng

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh: 18/7/1968

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ tài chính

Quá trình công tác:

- ▶ 1995 -1996: Giám đốc kinh doanh Công ty Vận tải Thương mại Xuyên Việt
- ▶ 1997- 06/2002: Giảng viên khoa Quản lý công nghiệp, Đại học Bách khoa TP
- ▶ 08/2002-06/2009: Làm nghiên cứu sinh & giảng dạy tại Đại học Old Dominion University
- ▶ 09/2009 – 3/2011: Giảng viên khoa QLCN, Đại học Bách Khoa TPHCM
- ▶ 04/2011 - 12/2013: Giảng viên khoa QLCN, Đại học Bách Khoa TPHCM
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 12/2013 – đến nay: Phó hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.



Số lượng cổ phần nắm giữ: không có

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác: không có

b.Các tiểu ban của HĐQT

Tiểu ban tiền lương

Ngày 30/11/2012, HĐQT Công ty đã có quyết định số 143/QĐ-ĐLKHKH-HĐQT về việc thành lập Tiểu ban xây dựng để áp dụng cải tiến chế độ phân phối tiền lương – thu nhập của Công ty. Tiểu ban tiền lương này do ông Dương Như Hùng – thành viên HĐQT độc lập làm Trưởng tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất cải tiến chế độ phân phối tiền lương – thu nhập của Công ty và dự kiến áp dụng trong năm 2014.

Danh sách các thành viên trong Tiểu ban tiền lương:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Dương Như Hùng	Thành viên HĐQT độc lập - Trưởng Tiểu ban
2	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập - Phó Tiểu ban
3	Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên
4	Lục Xuân Thơi	Trưởng phòng Kiểm tra - Giám sát mua bán điện - Thành viên
5	Hoàng Thu Ninh	Phó phòng Công nghệ thông tin - Thành viên
6	Lê Thành Hóa	Chuyên viên Phòng tổ chức lao động Công ty - Thành viên
7	Đỗ Thị Thanh Thảo	Chuyên viên Phòng tổ chức lao động Công ty - Thành viên
8	Đinh Lê Như Quỳnh	Chuyên viên Tổ thư ký Công ty - Thành viên
9	Lê Thị Huệ	Chuyên viên Phòng tài chính kế toán Công ty - Thành viên
10	Trần Thị Mỹ Ái	Kế toán Điện lực Trung tâm Nha Trang - Thành viên

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2013, Tiểu ban tiền lương đã nghiên cứu và đề xuất thay đổi phương thức phân phối quỹ lương cho các Điện lực trực thuộc và đánh giá lại định mức lao động hiện tại có phù hợp với thực tế của đơn vị để có những điều chỉnh đảm bảo công bằng giữa các Điện lực. Điều tra mức độ phù hợp của định mức các nhóm công việc trên và thử nghiệm điều chỉnh định mức công việc theo hướng phù hợp thực tế tại Điện lực. Tính toán lại quỹ lương thực giao về cho các Điện lực theo công thức và định mức mới.

Đầu năm 2014, HĐQT Công ty đã thống nhất thông qua phương án phân phối quỹ tiền lương cho các Điện lực do Tiểu ban tiền lương xây dựng. Yêu cầu tiểu ban phối hợp với Phòng tổ chức lao động Công ty hoàn thiện và ban hành quy chế phân phối tiền lương – thu nhập mới áp dụng trong năm 2014.

Tiểu ban xây dựng quy chế của HĐQT

Ngày 28/02/2013, HĐQT đã có quyết định số 164/QĐ-ĐLKHKH-HĐQT về việc thành lập lại Tiểu ban xây dựng quy chế của HĐQT do ông Trần Đình Nhân – Chủ tịch HĐQT độc lập không điều hành làm Trưởng tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn và tham mưu cho HĐQT các quy định, quy chế áp dụng trong Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị Công ty của HĐQT.

Danh sách các thành viên trong Tiểu ban xây dựng quy chế:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Trần Đình Nhân	Chủ tịch HĐQT độc lập không điều hành - Trưởng Tiểu ban
2	Nguyễn Cao Ký	Phó Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên
3	Lê Anh Khôi	Thư ký HĐQT Công ty - Thành viên
4	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Phó phòng tổ chức lao động Công ty - Thành viên
5	Ngô Định Lý	Chuyên viên Phòng kế hoạch Công ty - Thành viên
6	Đinh Lê Như Quỳnh	Chuyên viên Tổ thư ký Công ty - Thành viên

Trong năm 2013, Tiểu ban đã thực hiện việc rà soát, tổ chức các buổi họp để trình HĐQT thông qua các quy định, quy chế của HĐQT như sau:

- Sửa đổi Điều lệ Công ty theo điều lệ mẫu và đã được ĐHĐCĐ thường niên 2013 thông qua.
- Sửa đổi và ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Ban hành Quy chế quản lý vốn và người đại diện của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa tại công ty con, công ty liên kết.

c.Hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa gồm 05 thành viên, bao gồm: 02 thành viên HĐQT độc lập, 02 thành viên HĐQT không điều hành và 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

Các thành viên HĐQT độc lập và không điều hành đều là những người có trình độ chuyên môn về kỹ thuật điện, có thâm niên công tác trong ngành điện cao, có kinh nghiệm quản lý nên công tác quản lý và giám sát các hoạt động giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện tốt, chặt chẽ đồng thời đảm bảo tính độc lập và khách quan.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp và các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Trong năm 2013, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hàng quý. Trong các cuộc họp, Ban Tổng Giám đốc đều có tờ trình báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, các khó khăn vướng mắc và đề xuất xin ý kiến HĐQT. Tại các cuộc họp, HĐQT đã nghiên cứu, thảo luận các vấn đề có liên quan và thống nhất ban hành các nghị quyết, quyết định chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phiên họp tháng 01/2013

- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2012 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2012.
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2013.
- Thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định của Thông tư 121/2012-TBCCB của Bộ Tài chính.
- Thông qua việc điều động, luân chuyển các CBQL của Công ty.
- Thông qua việc ủy quyền ký hợp đồng ủy quyền cho Tổng Công ty Điện lực TP HCM bán đấu giá phần vốn góp của Công ty tại Công ty CP BDS Land Sài Gòn.
- Thông qua các nội dung chuẩn bị cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2013.

Phiên họp tháng 4/2013

- Quy định chức năng, nhiệm và quyền hạn của cán bộ an toàn chuyên trách trong Công ty.
- Thông qua phương án đầu tư và thi tuyển kiến trúc dự án Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh Công ty.
- Thông qua chủ trương xây dựng mô hình tổ chức áp dụng cho các Điện lực trực thuộc Công ty.
- Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán tuân thủ tại Công ty trong năm 2013.

Phiên họp tháng 7/2013

- Thông qua việc điều chỉnh mức lương cho CBQL trong năm 2013.
- Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch vốn ĐTXD và sửa chữa nhà làm việc cho các Điện lực và Trạm điện trong năm 2013.
- Phê duyệt phương án đầu tư chương trình thu thập dữ liệu công tơ điện tử từ xa.
- Thông qua việc tuyển dụng lao động cho Công ty trong năm 2013.

Phiên họp tháng 10/2013

- Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1/2013 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương cho tổ già công cơ khí thuộc Xí nghiệp Cơ điện - Thí nghiệm và của Trung tâm tư vấn xây dựng điện.
- Phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho dự án chống quá tải các TBA 110kV Khánh Hòa.

Ngoài ra, HĐQT thông qua việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định kịp thời trong chỉ đạo hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Trong năm 2013, HĐQT đã ban hành 58 nghị quyết, quyết định chỉ đạo các hoạt động điều hành của Công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công tác đào tạo về quản trị Công ty:

Trong năm 2013, tất cả các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia chương trình đào tạo về quản trị Công ty do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán thuộc Ủy Ban chứng khoán Nhà nước tổ chức và đã được cấp giấy chứng chỉ hoàn thành khóa học.

2. Ban kiểm soát

a.Thành viên và cơ cấu

Ông Tô Hiếu Thuận

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ MBA – QTKD

Trường Lincoln University USA

Quá trình công tác

- ▶ 12/2000 – 9/2002: Nhân viên môi giới Công ty CK công thương – CN TP HCM
- ▶ 10/2002 – 2/2003: Trưởng phòng môi giới Công ty CK công thương – CN TP HCM
- ▶ 03/2003 – 6/2004: Phó Phòng kinh doanh Công ty CK công thương – CN TP HCM
- ▶ 07/2004 – 1/2007: Trưởng phòng kinh doanh – tư vấn Công ty CK công thương – CN TP HCM
- ▶ 02/2007 – 3/2007: Phó Giám đốc CN Công ty chứng khoán công thương
- ▶ 04/2007 – 2/2009: Phó Giám đốc CN Công ty chứng khoán công thương Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 03/2009 - 2010: Phó TGĐ kiêm Giám đốc CN TP HCM Công ty CK VNS
Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 12/2010 – đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư kinh doanh vàng Toàn Cầu, Giám đốc CN Công ty TNHH Thiên Thiên Lộc – Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 2013 - đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Cao su An Lợi



Số lượng cổ phần nắm giữ:

Cá nhân sở hữu: 2.400 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ Công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Hồ Thăng Thu

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- ▶ 08/1990 – 6/1998: Chuyên viên Phòng tài chính kế toán
Công ty Điện lực 3
- ▶ 07/1998 – 6/2005: Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty
Điện lực 3
- ▶ 07/2005 – 3/2008: Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty
Điện lực 3 – Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần
Điện lực Khánh Hòa.
- ▶ 04/2010 – đến nay: Phó Ban tài chính kế toán Tổng Công ty điện lực Miền Trung
Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần điện lực Khánh Hòa



Số lượng cổ phần nắm giữ:

không có

Ông Nguyễn Thành Cử

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Năm sinh: 1949

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ▶ 1975 – 1987: Nhân viên phòng kế toán tài vụ
Sở điện lực Phú Khánh
- ▶ 1987 – 1990: Phó Phụ trách Phòng Kế toán tài vụ
Sở điện lực Phú Khánh
- ▶ 1990 – 06/2005: Kế toán trưởng Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 07/2005 – 8/2009: Kế toán Trưởng Công ty cổ phần
Điện lực Khánh Hòa
- ▶ 09/2006 – 3/2010: Nghỉ hưu
- ▶ 04/2010 – đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần điện lực Khánh Hòa



Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 53.016 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ Công ty.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp thường kỳ nhằm kiểm tra, đánh giá các mặt hoạt động của Công ty theo đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm:

- Tham gia dự họp các cuộc họp của Hội đồng quản trị, xem xét thẩm tra các báo cáo tài chính, sản xuất, kinh doanh hàng tháng, quý và năm.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Kiểm soát việc tuân thủ chế độ công bố thông tin của công ty đại chúng, đặc biệt là đối với Công ty niêm yết theo các quy định của pháp luật;

- Giám sát việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty.

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát kế hoạch, triển khai công tác sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình đầu tư.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế quản trị, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị trong các vấn đề: tổng kết kết quả kinh doanh trong năm 2012, xem xét việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 và phương án phân chia lợi nhuận năm 2013 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

- Thực hiện giám sát việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên trong năm 2013.

- Xem xét và ghi nhận các nội dung kiểm soát do Đại diện Công ty TNHH Kiểm toán RSM DTL trình bày trong Bản báo cáo kết quả kiểm toán tuân thủ.

Đánh giá của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, HĐQT Công ty đã thường xuyên chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động rà soát, theo dõi tình hình thực tế bảo đảm những nội dung quy định trong các quy chế được cập nhật phù hợp với cơ chế chính sách của Nhà nước tại từng thời điểm, phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty nhằm duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng quản lý đối với từng mặt công tác. Các cuộc họp của HĐQT đều được Thủ ký HĐQT ghi chép biên bản đầy đủ theo các nội dung đã thống nhất thông qua. Hoạt động của HĐQT được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Hoạt động chỉ đạo, điều hành sản xuất, kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc Công ty được thực hiện đúng theo nguyên tắc, phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã xác định tại Điều lệ Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo phát huy tốt mối quan hệ làm việc giữa các bộ phận chuyên môn; chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh tế trong kinh doanh cũng như trong các dự án đầu tư theo đúng luật định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, TGĐ :

a. Lương thưởng và thù lao của HĐQT, BKS

TT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao/tháng	Tổng thù lao	Khen thưởng thành tích	Thưởng vượt lợi nhuận (*)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị			440.400.000			
1	Trần Đình Nhân	Chủ tịch HĐQT	8.700.000	104.400.000		33.103.837	
2	Nguyễn Thanh Lâm	TV HĐQT	7.000.000	84.000.000	21.000.000	37.652.205	Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thanh Bình	TV HĐQT	7.000.000	84.000.000	21.000.000	28.476.684	Chủ tịch công đoàn
4	Trịnh Minh Quang	TV HĐQT	7.000.000	84.000.000	21.000.000	16.779.827	
5	Dương Như Hùng	TV HĐQT	7.000.000	84.000.000	21.000.000	16.779.827	

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I	Ban kiểm soát			208.800.000	63.000.000		
1	Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS	7.000.000	84.000.000	21.000.000	46.615.297	
2	Hồ Thăng Thu	TV BKS	5.200.000	62.400.000	21.000.000	16.779.827	
3	Nguyễn Thành Cử	TV BKS	5.200.000	62.400.000	21.000.000	14.917.735	
	TỔNG CỘNG			649.200.000		14.917.735	

Ghi chú: (*) Thưởng vượt lợi nhuận của các thành viên bao gồm tiền thưởng vượt lợi nhuận lần 3 của năm 2012 và lần 1 của năm 2013.

Ngoài tiền thù lao và các khoản khen thưởng khác chi trả cho ông Nguyễn Thành Bình – thành viên HĐQT, Công ty còn chi trả các khoản khác như sau:

- Tiền lương do Công ty trả: 327.087.376 đồng.
- Thưởng: 18.739.391 đồng
- Khác : 41.407.091 đồng

Tổng cộng: 386.873.858 đồng

b.Tiền lương và các khoản khác của Tổng Giám đốc

(Không bao gồm thù lao và các khoản khen thưởng khác của thành viên HĐQT Công ty)

- Tiền lương: 538.027.641 đồng
- Thưởng : 55.964.858 đồng
- Thủ lao TV HĐQT tại các công ty khác có tham gia góp vốn: 81.600.000 đồng.
- Khác : 43.881.363 đồng

Tổng cộng : 719.518.862 đồng

4.Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

a.Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

b.Giao dịch của các cổ đông nội bộ:

Trong năm 2013, có thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của người có liên quan đến cổ đông nội bộ như sau:

- Bà Nguyễn Thị Kiều Trang là người có liên quan với ông Nguyễn Thành Cử - thành viên Ban Kiểm soát Công ty đăng ký bán 5.000 cổ phiếu từ ngày 22/7/2013 đến ngày 21/8/2013. Tuy nhiên, chưa thực hiện được giao dịch do giá chưa phù hợp.
- Bà Nguyễn Thị Mộng Trinh Bà là người có liên quan với ông Nguyễn Thành Cử - thành viên Ban Kiểm soát Công ty đăng ký bán 3.000 cổ phiếu từ ngày 22/7/2013 đến ngày 21/8/2013. Tuy nhiên, chưa thực hiện được giao dịch do giá chưa phù hợp.

Ngoài ra, không có bất kỳ giao dịch cổ phiếu nào của cổ đông nội bộ.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội nghị tổng kết sản xuất kinh doanh 2013

5.Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty.

- HĐQT đã tổ chức họp định kỳ 04 cuộc họp với sự tham gia của Ban kiểm soát Công ty để đánh giá các mặt hoạt động của Công ty và có các chủ trương quyết sách đối với hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ. Ngoài ra, để chỉ đạo kịp thời Tổng Giám đốc, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên qua việc lấy ý kiến bằng văn bản để có các nghị quyết, quyết định đối với hoạt động của Công ty. HĐQT đã ban hành và áp dụng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đối với các mặt hoạt động của Công ty.

- Ban kiểm soát đã định kỳ tổ chức 02 cuộc họp trong năm, nội dung các cuộc họp đều được thực hiện theo đúng chức trách, thẩm quyền của Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ngoài ra, Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của HĐQT để có những ý kiến, kiến nghị đối với các quyết định của HĐQT chưa đúng với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát còn thực hiện việc giám sát công tác tổ chức ĐHĐCD thường niên 2013 về các nội dung như: kiểm tra điều kiện tổ chức Đại hội, các nội dung biểu quyết tại đại hội, sửa đổi điều lệ Công ty theo quy định của thông tư 121/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ tài chính quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Báo cáo tài chính:

1.Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2013 của Công ty:

Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2013 của Công ty được đăng tải tại website của Công ty theo địa chỉ:

[http://www.khpc.com.vn/Quan hẽ cō dōng/Báo cáo tài chính.](http://www.khpc.com.vn/Quan%20h%C3%A9%20c%C3%B3%20d%C3%BCng/B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20t%C3%A1i%20ch%C3%ADnh)

2.Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2013 của Công ty:

(Đăng tải toàn bộ nội dung BCTC 2013)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- Ông Trần Dinh Nhàn - Chủ tịch
- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Thành viên
- Ông Nguyễn Thanh Bình - Thành viên
- Ông Dương Như Hùng - Thành viên
- Ông Trịnh Minh Quang - Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Cao Kỳ - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đăng Hiền - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Kim Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kê toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thanh Lâm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trong yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN/HN	
			31/12/2013	31/12/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		614.220.580.073	531.476.723.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	220.557.579.824	393.657.083.901
1. Tiền	111		15.427.634.784	24.110.083.901
2. Các khoản tương đương tiền	112		205.129.945.040	369.547.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		232.008.929.500	17.495.595.261
1. Đầu tư ngắn hạn	121		232.008.929.500	17.495.595.261
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.189.340.616	54.379.685.928
1. Phải thu khách hàng	131		36.382.212.032	47.268.036.130
2. Trả trước cho người bán	132		14.224.667.338	7.010.458.426
3. Các khoản phải thu khác	135		5.191.546.553	5.238.967.765
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.609.085.307)	(5.137.776.393)
IV. Hàng tồn kho	140	6	103.496.021.602	59.346.010.317
1. Hàng tồn kho	141		104.237.272.501	60.055.496.827
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(741.250.899)	(709.486.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.968.708.531	6.598.348.047
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.582.663.512	1.064.800.785
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	2.261.502.124	4.839.007.233
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.124.542.895	694.540.029
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		550.738.871.888	548.702.265.941
I. Tài sản cố định	220		495.579.692.199	487.436.332.720
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	473.137.201.333	452.962.627.835
- Nguyên giá	222		1.515.389.319.736	1.400.073.913.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.042.252.118.403)	(947.111.285.192)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.822.027.599	53.001.683
- Nguyên giá	228		3.626.842.143	279.273.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.804.814.544)	(226.272.248)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	20.620.463.267	34.420.703.202
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.535.377.440	54.166.729.422
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	5.630.628.542	5.776.869.333
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	41.239.658.333	64.934.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.334.909.435)	(16.544.139.911)
III. Tài sản dài hạn khác	260		20.623.802.249	7.099.203.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	20.623.802.249	4.830.586.310
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			2.236.767.489
3. Tài sản dài hạn khác	268			31.850.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.164.959.451.961	1.080.178.989.395

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		613.759.440.154	531.586.914.139
I. Nợ ngắn hạn	310		383.988.836.364	322.322.468.686
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	52.005.268.236	49.310.354.457
2. Phai trả người bán	312		215.319.650.245	164.652.168.212
3. Người mua trả tiền trước	313		42.609.080.570	18.457.705.796
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314		36.751.767	8.133.848.136
5. Phai trả người lao động	315		27.350.313.949	40.950.275.027
6. Chi phí phải trả	316	15	22.540.466.737	17.026.833.040
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	11.887.375.643	8.319.538.504
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.239.929.217	15.471.745.514
II. Nợ dài hạn	330		229.770.603.790	209.264.445.453
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	223.313.233.870	202.720.437.083
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.457.369.920	6.544.008.370
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		547.254.490.335	544.646.553.784
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	547.254.490.335	544.646.553.784
1. Vốn điều lệ	411		415.512.960.000	415.512.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		24.070.260.409	22.926.163.891
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.173.978.888)	(11.173.978.888)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.630.317.295	19.710.421.391
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		20.915.040.381	17.261.561.837
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		68.770.564.502	80.880.098.917
C - LỢI ÍCH CỦA CÔ ĐÔNG THIỆU SỐ	439		3.945.521.472	3.945.521.472
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		1.164.959.451.961	1.080.178.989.395

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý	5.189.807.473	5.113.043.819
2. Vật tư thu hồi	-	190.196.980

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng
Người lập

Nguyễn Thị Chí

Trần Thị Triều Linh

Nguyễn Thành Lâm



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 02-DN/HN	
			Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.241.712.227.238	1.900.251.282.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.241.712.227.238	1.900.251.282.182
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.063.911.557.466	1.713.701.012.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		177.800.669.772	186.550.269.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	28.119.143.866	36.438.242.425
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	22	7.121.451.094	11.800.146.350
	23		9.430.574.684	8.424.762.326
8. Chi phí bán hàng	24		63.957.573.843	60.450.722.470
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		43.004.902.788	46.853.531.045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		91.835.885.913	103.884.111.960
11. Thu nhập khác	31	23	6.902.739.466	56.459.408.906
12. Chi phí khác	32	24	1.193.345.535	22.927.575.058
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.709.393.931	33.531.833.848
14. (Lỗ)/Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		(146.240.791)	(56.894.930)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		97.399.039.053	137.359.050.878
15.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	23.273.307.240	26.982.515.896
15.2 (Thu nhập) thuế TNDN hoàn lại	52		2.236.767.489	(193.017.489)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		71.888.964.324	110.569.552.471
16.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
16.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		71.888.964.324	110.569.552.471
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.766	2.407

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Chí

Trần Thị Triều Linh



Nguyễn Thanh Lâm

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	97.399.039.053	137.359.050.878
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	108.033.520.598	122.036.672.968
Các khoản dự phòng	03	(3.706.157.173)	478.477.083
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.090.559.186	(60.351.893)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(30.467.786.506)	(20.827.536.746)
Chi phí lãi vay	06	9.430.574.684	8.424.762.326
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	181.779.749.842	247.411.074.616
Thay đổi các khoản phải thu	09	9.601.895.328	(7.282.287.556)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(44.181.775.674)	3.852.160.505
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	41.411.479.409	(12.260.887.484)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(15.793.215.939)	2.051.526.756
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.940.932.275)	(8.996.862.898)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(33.500.000.000)	(20.259.248.247)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	25.640.000	270.052.422
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(16.485.740.113)	(9.830.730.814)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	112.917.100.578	194.954.797.300
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(83.959.211.839)	(59.006.223.283)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	4.564.278.789	3.741.707.224
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(202.725.000.000)	(21.860.805.545)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.600.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(826.000.000)	(1.437.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	16.267.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.875.573.194	34.289.843.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(251.470.359.856)	(28.004.978.503)
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(1.825.675.645)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	484.472.165.226	719.700.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(462.949.345.925)	(710.706.980.978)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(56.069.064.100)	(48.053.138.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.546.244.799)	(40.885.794.723)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(173.099.504.077)	126.064.024.074
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	393.657.083.901	267.593.059.827
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	220.557.579.824	393.657.083.901

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chí

Trần Thị Triều Linh



Nguyễn Thanh Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 5 số 4200601069 ngày 17 tháng 5 năm 2010, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng. Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV và các công trình viễn thông;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính;
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến dưới 110KV cấp 2, nhà máy điện cấp 4. Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị); và
- Đại lý bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Dánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và phương pháp thực tế đích danh đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động xây dựng cơ bản. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013	2012
	Số năm	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 30	5 - 10
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 25	3 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vì Na thông qua hình thức bán đấu giá. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, khoản đầu tư này chưa bán được. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư do không có giá tham chiếu trên thị trường và Công ty này đang kinh doanh có lãi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10 triệu VND được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 1 năm.

Các công cụ, dụng cụ có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Nguồn vốn - quý

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Trích Quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư bằng 10% vốn điều lệ), Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế) được quy định trong Điều lệ. Việc trích lập các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đơn vị, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bằng cách đổi kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.140.224.196	295.087.512
Tiền gửi ngân hàng	14.287.410.588	23.814.996.389
Các khoản tương đương tiền (i)	205.129.945.040	369.547.000.000
	220.557.579.824	393.657.083.901

(i) Công ty đang thực hiện ước tính lãi dự thu từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với lãi suất tương đương của các khoản tiền gửi không kỳ hạn do Công ty chưa chắc chắn sẽ tiếp tục gửi đến khi khoản tiền gửi được đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.982.487.797	28.564.406.444
Công cụ, dụng cụ	2.680.417.066	7.739.035.431
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	61.574.367.638	23.752.054.952
Cộng	104.237.272.501	60.055.496.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(741.250.899)	(709.486.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	103.496.021.602	59.346.010.317

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.093.685.224	-
Các loại thuế khác	167.816.900	4.839.007.233
2.261.502.124	4.839.007.233	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thành Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANGER

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01/01	34.420.703.202	17.026.549.907
Tăng trong năm	115.386.669.201	77.560.353.490
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(95.324.555.589)	(33.092.720.934)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.800.000.000)	-
Chi phí sửa chữa lớn hoàn thành trong năm	(32.062.353.547)	(27.073.479.261)
Tại ngày 31/12	20.620.463.267	34.420.703.202

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	% Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chè	Số 12A Yersin, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	56,88	56,88	Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị điện.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	4.650.000.000
Phản lợi nhuận, cổ tức được chia đã nhận	980.628.542	1.126.869.333

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Khánh Hòa	31	31	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm

Báo cáo tài chính hợp nhất Số 11 Lý Thành Tôn, phường Vạn Thạnh Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam																																																																																																					
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013																																																																																																					
MẪU SỐ B 09-DN/HN																																																																																																					
8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH																																																																																																					
<table border="1"> <thead> <tr> <th>NGUYÊN GIÁ</th> <th>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</th> <th>Máy móc, thiết bị VND</th> <th>Phương tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND</th> <th>Dụng cụ quản lý VND</th> <th>Tài sản khác VND</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tại ngày 01/01/2013</td> <td>49.727.287.196</td> <td>486.013.047.488</td> <td>851.499.730.568</td> <td>10.224.931.176</td> <td>2.608.916.599</td> </tr> <tr> <td>Mua sắm mới</td> <td>17.804.250</td> <td>28.475.466.726</td> <td>5.732.721.219</td> <td>681.523.272</td> <td>34.907.515.467</td> </tr> <tr> <td>XDCB hoàn thành</td> <td>18.222.149.397</td> <td>14.355.941.086</td> <td>59.344.371.571</td> <td>2.360.300.000</td> <td>95.324.555.589</td> </tr> <tr> <td>Tang khác</td> <td>-</td> <td>394.332.261</td> <td>377.809.024</td> <td>-</td> <td>772.141.285</td> </tr> <tr> <td>Thanh lý</td> <td>(816.172.580)</td> <td>(5.884.581.755)</td> <td>(625.774.074)</td> <td>(174.908.533)</td> <td>(7.521.436.942)</td> </tr> <tr> <td>Giảm khác</td> <td>(17.804.250)</td> <td>(2.081.760.396)</td> <td>(389.157.534)</td> <td>(5.465.401.731)</td> <td>(8.167.368.690)</td> </tr> <tr> <td>Tại ngày 31/12/2013</td> <td>67.133.264.013</td> <td>521.272.445.410</td> <td>915.939.700.774</td> <td>7.626.444.184</td> <td>3.417.465.355</td> </tr> <tr> <td>GIÁ TRỊ HAO MỘN LŨY KẾ</td> <td>23.898.081.166</td> <td>293.229.884.903</td> <td>621.803.799.814</td> <td>7.259.500.967</td> <td>920.018.342</td> </tr> <tr> <td>Trích khấu hao trong năm</td> <td>3.834.951.788</td> <td>43.698.249.004</td> <td>58.680.243.513</td> <td>1.527.457.050</td> <td>276.170.028</td> </tr> <tr> <td>Thanh lý</td> <td>(815.507.915)</td> <td>(5.552.916.971)</td> <td>(625.774.074)</td> <td>(170.838.493)</td> <td>(20.000.000)</td> </tr> <tr> <td>Giảm khác</td> <td>-</td> <td>(995.221.816)</td> <td>(185.110.399)</td> <td>(4.319.714.147)</td> <td>(191.154.357)</td> </tr> <tr> <td>Tại ngày 31/12/2013</td> <td>26.917.525.039</td> <td>330.379.995.120</td> <td>679.673.158.854</td> <td>4.296.405.377</td> <td>985.034.013</td> </tr> <tr> <td>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</td> <td>25.829.206.030</td> <td>192.783.162.585</td> <td>229.695.930.754</td> <td>2.965.430.209</td> <td>1.688.898.257</td> </tr> <tr> <td>Tại ngày 31/12/2012</td> <td>40.215.738.974</td> <td>190.892.450.290</td> <td>236.266.541.920</td> <td>3.330.038.807</td> <td>2.432.431.342</td> </tr> <tr> <td>Tại ngày 31/12/2013</td> <td>67.133.264.013</td> <td>521.272.445.410</td> <td>915.939.700.774</td> <td>7.626.444.184</td> <td>3.417.465.355</td> </tr> </tbody> </table>						NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tại ngày 01/01/2013	49.727.287.196	486.013.047.488	851.499.730.568	10.224.931.176	2.608.916.599	Mua sắm mới	17.804.250	28.475.466.726	5.732.721.219	681.523.272	34.907.515.467	XDCB hoàn thành	18.222.149.397	14.355.941.086	59.344.371.571	2.360.300.000	95.324.555.589	Tang khác	-	394.332.261	377.809.024	-	772.141.285	Thanh lý	(816.172.580)	(5.884.581.755)	(625.774.074)	(174.908.533)	(7.521.436.942)	Giảm khác	(17.804.250)	(2.081.760.396)	(389.157.534)	(5.465.401.731)	(8.167.368.690)	Tại ngày 31/12/2013	67.133.264.013	521.272.445.410	915.939.700.774	7.626.444.184	3.417.465.355	GIÁ TRỊ HAO MỘN LŨY KẾ	23.898.081.166	293.229.884.903	621.803.799.814	7.259.500.967	920.018.342	Trích khấu hao trong năm	3.834.951.788	43.698.249.004	58.680.243.513	1.527.457.050	276.170.028	Thanh lý	(815.507.915)	(5.552.916.971)	(625.774.074)	(170.838.493)	(20.000.000)	Giảm khác	-	(995.221.816)	(185.110.399)	(4.319.714.147)	(191.154.357)	Tại ngày 31/12/2013	26.917.525.039	330.379.995.120	679.673.158.854	4.296.405.377	985.034.013	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	25.829.206.030	192.783.162.585	229.695.930.754	2.965.430.209	1.688.898.257	Tại ngày 31/12/2012	40.215.738.974	190.892.450.290	236.266.541.920	3.330.038.807	2.432.431.342	Tại ngày 31/12/2013	67.133.264.013	521.272.445.410	915.939.700.774	7.626.444.184	3.417.465.355
NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND																																																																																																
Tại ngày 01/01/2013	49.727.287.196	486.013.047.488	851.499.730.568	10.224.931.176	2.608.916.599																																																																																																
Mua sắm mới	17.804.250	28.475.466.726	5.732.721.219	681.523.272	34.907.515.467																																																																																																
XDCB hoàn thành	18.222.149.397	14.355.941.086	59.344.371.571	2.360.300.000	95.324.555.589																																																																																																
Tang khác	-	394.332.261	377.809.024	-	772.141.285																																																																																																
Thanh lý	(816.172.580)	(5.884.581.755)	(625.774.074)	(174.908.533)	(7.521.436.942)																																																																																																
Giảm khác	(17.804.250)	(2.081.760.396)	(389.157.534)	(5.465.401.731)	(8.167.368.690)																																																																																																
Tại ngày 31/12/2013	67.133.264.013	521.272.445.410	915.939.700.774	7.626.444.184	3.417.465.355																																																																																																
GIÁ TRỊ HAO MỘN LŨY KẾ	23.898.081.166	293.229.884.903	621.803.799.814	7.259.500.967	920.018.342																																																																																																
Trích khấu hao trong năm	3.834.951.788	43.698.249.004	58.680.243.513	1.527.457.050	276.170.028																																																																																																
Thanh lý	(815.507.915)	(5.552.916.971)	(625.774.074)	(170.838.493)	(20.000.000)																																																																																																
Giảm khác	-	(995.221.816)	(185.110.399)	(4.319.714.147)	(191.154.357)																																																																																																
Tại ngày 31/12/2013	26.917.525.039	330.379.995.120	679.673.158.854	4.296.405.377	985.034.013																																																																																																
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	25.829.206.030	192.783.162.585	229.695.930.754	2.965.430.209	1.688.898.257																																																																																																
Tại ngày 31/12/2012	40.215.738.974	190.892.450.290	236.266.541.920	3.330.038.807	2.432.431.342																																																																																																
Tại ngày 31/12/2013	67.133.264.013	521.272.445.410	915.939.700.774	7.626.444.184	3.417.465.355																																																																																																
Như trình bày tại Thuỷết minh số 17, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 65.543.541.465 VND (31/12/2012: 99.346.348.230 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.																																																																																																					
Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 486.467.750.328 VND (31/12/2012: 316.633.565.800 VND).																																																																																																					
Trong năm 2013, Công ty thực hiện ghi nhận tăng thêm giá trị tài sản nhân bản giao và công nợ tương ứng từ Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, tài sản Trạm biến áp 110kV Bán đảo Cam Ranh với số tiền 23.585.443.215 VND theo chứng thu thẩm định giá của một công ty định giá. Số tiền này có thể thay đổi dựa trên các quyết định chính thức về giá trị tài sản bàn giao của các bên có liên quan.																																																																																																					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng tài sản	39.318.641.164	39.892.369.547
Tổng công nợ	18.119.568.023	19.892.655.891
Tài sản thuần	21.199.073.141	19.999.713.656
	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu	41.455.075.526	31.358.320.802
Lợi nhuận thuần	2.112.700.057	713.340.572

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	6.975.000.000	6.149.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO	5.775.000.000	5.775.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương	739.658.333	660.000.000
Việt Nam- Chi nhánh Nha Trang		
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina	-	15.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	-	3.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương	-	1.000.000.000
Việt Nam- Chi nhánh Khánh Hòa		
	41.239.658.333	64.934.000.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	(12.334.909.435)	(15.750.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	-	(182.509.685)
Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO	-	(611.630.226)
Công	(12.334.909.435)	(16.544.139.911)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01/01	4.830.586.310	7.172.598.718
Tăng trong năm	28.928.804.937	16.088.621.106
Phân bổ vào chi phí trong năm	(13.135.588.998)	(17.630.909.134)
Bàn giao cho Viettel	-	(799.724.380)
	Tại ngày 31/12	20.623.802.249
	4.830.586.310	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	19.000.000.000	27.662.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	33.005.268.236	21.648.354.457
	52.005.268.236	49.310.354.457

Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 1101.13.800.1603479.TD ngày 16 tháng 12 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất 6,4%/năm và được bảo đảm bằng tín chấp, có thời hạn 2 tháng kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi vay	1.262.630.997	1.702.095.786
Khác	21.277.835.740	15.324.737.254
	22.540.466.737	17.026.833.040

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT	352.504.356	1.179.894.722
Nhận tiền đặt cọc mua điện kế	5.405.934.946	3.962.595.651
Các khoản phải trả khác	6.128.936.341	3.177.048.131
	11.887.375.643	8.319.538.504

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn		
Dường dây và trạm 110KV		
Trạm 110KV Bình Tân và nhánh rẽ	(1) 146.002.021.408	116.110.426.177
Trạm 110KV Nha Trang	(2) 6.061.097.880	7.861.097.880
Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	(3) 3.159.135.820	5.158.552.101
Các khoản vay khác	24.771.794.271	26.201.336.890
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Lưới điện thành phố Nha Trang	(4) 9.043.694.419	14.879.812.700
Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối	(5) 10.496.293.679	13.133.472.000
thị trấn Diên Khánh		
Trạm biến áp 110KV Ninh Thuỷ và nhánh rẽ	(6) 33.906.824.868	33.472.639.361
Ngân hàng Phát triển Việt Nam		
Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trảng	(7) 6.352.750.445	8.536.750.445
Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh	(8) 1.210.764.800	2.026.764.800
Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa		
Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trảng	(9) 3.460.000.000	4.840.000.000
Cải tạo LĐ15kV E Vạn Giã cấp điện	(10) 4.618.700.000	-
Khu Kinh tế Vân Phong		
Cải tạo lưới 15KV sau F2B & F2C lên 22KV	(11) 1.498.082.000	-
đầu nối TBA 110KV Ninh Thuỷ		
Xây dựng mới XT 374-E27	(12) 3.452.986.000	-
Nâng cao năng lực điện khu vực Khánh Vĩnh	(13) 4.091.657.000	-
Ngân hàng An Bình		
TBA 110KV Bán đảo Cam Ranh và nhánh rẽ	(14) 25.500.000.000	-
Nhà điều hành Điện lực Diên Khánh -	(15) 5.025.864.101	-
Khánh Vĩnh		
Ngân hàng Công thương		
Nhà điều hành Điện lực Cam Lâm	(16) 3.352.376.125	-
Nợ dài hạn		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	110.316.480.698	108.258.365.363
Công ty Địa chính Khánh Hòa	18.663.405.103	18.663.405.103
Công ty TNHH Long Phú	15.835.192.682	15.835.192.682
Công ty Cổ phần An Viên	2.257.639.999	2.633.913.328
Ban Quản lý Dự án các công trình	15.643.502.000	15.643.502.000
trọng điểm Khánh Hòa	11.698.961.191	11.698.961.191
Ban quản lý Dự án các công trình	(20) 8.239.169.000	8.239.169.000
Xây dựng Nha Trang		
Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa	(21) 3.738.199.000	3.738.199.000
Uỷ ban Nhân dân huyện Diên Khánh	(22) 2.281.671.000	2.281.671.000
Các đối tượng khác	(23) 31.958.740.723	29.524.352.059
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	256.318.502.106	224.368.791.540
(Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	33.005.268.236	21.648.354.457
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	29.350.532.371	18.785.378.226
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.654.735.865	2.862.976.231
Số phải trả sau 12 tháng	223.313.233.870	202.720.437.083

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (1) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 12.927.243.309 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 9 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3,2%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (2) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 737.828,59 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 7,5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất 6,9%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (3) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 1.510.525,89 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 19 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 36 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2010 và chịu lãi suất 1%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (4) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án "Lưới điện thành phố Nha Trang", lãi suất vay là 6,90%/năm.
- (5) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) với lãi suất 6,82%/năm.
- (6) Hợp đồng cho vay lại từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới (Hiệp định 7867-VN) thuộc chương trình "Hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện giai đoạn 1 - DPL1". Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Công trình Trạm biến áp 110KV Ninh Thuỷ và nhánh rẽ theo danh mục dự án sử dụng vốn của Khoản chương trình đã được Bộ Công thương phê duyệt. Khoản vay trị giá 1.608.094,47 USD và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 25 năm kể từ năm 2010, bao gồm 10 năm ân hạn. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 05 tháng 02 năm 2021, khoản vay chịu lãi suất LIBOR của đồng USD cộng khoản chênh lệch biến đổi. Khoản chênh lệch biến đổi sẽ được xem xét định kỳ điều chỉnh vào ngày 30/6 và 31/12 hàng năm.
- (7) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trảng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (8) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh". Khoản vay này có hạn mức 16.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 57 tháng kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 54 tháng từ tháng 01 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (9) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trảng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 01 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (10) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Cải tạo lưới điện 15KV E Vạn Giã cấp điện Khu Kinh tế Vân Phong". Khoản vay này có hạn mức 8.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01/08/2013, lãi suất được điều chỉnh xuống còn 9,52%.
- (11) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Cải tạo lưới 15KV sau F2B & F2C lên 22KV đấu nối TBA 110KV Ninh Thuỷ". Khoản vay này có hạn mức 2.800.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01/08/2013, lãi suất được điều chỉnh xuống còn 9,52%.
- (12) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Xây dựng mới xuất tuyến 374-E27". Khoản vay này có hạn mức 5.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01/08/2013, lãi suất được điều chỉnh xuống còn 9,52%.
- (13) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nâng cao năng lực điện khu vực Khánh Vĩnh". Khoản vay này có hạn mức 6.200.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01/08/2013, lãi suất được điều chỉnh xuống còn 9,52%.
- (14) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trạm biến áp 110KV bán đảo Cam Ranh và nhánh rẽ". Khoản vay này có hạn mức 30.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 60 tháng kể từ ngày 25 tháng 1 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 4 năm 2013 và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 25/10/2013, lãi suất được điều chỉnh xuống còn 12%/năm.
- (15) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Điện Khanh - Khánh Vĩnh". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi số 143.13/HĐTG-ABBKH với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 10 năm 2014. Lãi suất năm đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (16) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Cam Lâm". Khoản vay này có hạn mức 6.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 7 năm 2014. Lãi suất năm đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (17) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện Khu đô thị mới Vĩnh Hòa nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khánh Hòa (trước đây là Công ty Địa chính Khánh Hòa). Khoản nhận nợ này trả đều trong 20 năm kể từ năm 2011 và không chịu lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (18) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện ngầm trung, hạ áp và các trạm biến áp khu đô thị Biên An Viên nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần An Viên theo Biên bản bàn giao công trình ngày 01 tháng 10 năm 2011. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.
- (19) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống cung cấp nguồn điện phần còn lại của đường Nguyễn Tất Thành nhận từ Ban Quản lý Dự án các Công trình trọng điểm Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.
- (20) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung hạ áp và trạm biến áp Cáp điện sinh hoạt khu dân cư Đất Lành thuộc dự án khu dân cư Đất Lành nhận từ Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Nha Trang. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.
- (21) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hàng mục Xây lắp cáp điện sinh hoạt và chiếu sáng thuộc Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Hòn Đá và Khu tái định cư Vĩnh Trường nhận bàn giao từ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.
- (22) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung áp 22kV vùng nguyên liệu mía Điện Khanh nhận bàn giao từ Ủy ban Nhân dân huyện Điện Khanh. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.
- (23) Khoản nợ dài hạn tương ứng với các tài sản thuộc lưới trung, hạ áp nhận bàn giao từ các cơ quan Nhà nước và các đơn vị khác trong địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Các khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.
- Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:
- | | 31/12/2013
VND | 31/12/2012
VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Trong vòng một năm | 33.005.268.236 | 21.648.354.457 |
| Trong năm thứ hai | 32.170.437.626 | 23.361.983.473 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 71.751.562.584 | 27.819.712.943 |
| Sau năm năm | <u>119.391.233.660</u> | <u>151.538.740.667</u> |
|
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng
(Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn) | 256.318.502.106 | 224.368.791.540 |
|
Số phải trả sau 12 tháng | 33.005.268.236 | 21.648.354.457 |
| | <u>223.313.233.870</u> | <u>202.720.437.083</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09-DN/HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	415.512.960.000	(470.673.364)	8.816.439.915	(1.143.942.394)	4.293.183.739	12.995.197.381	(9.348.303.243)	67.342.585.552	497.997.447.586
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	110.569.552.471	110.569.552.471
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	1.143.942.394
Tăng vốn khác	-	-	14.109.723.976	1.143.942.394	-	-	-	-	(14.109.723.976)
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	15.417.237.652	4.266.364.456	-	(19.683.602.108)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(1.825.675.645)	-	(1.825.675.645)	-
Trích quỹ khen thưởng, phục lợi	-	-	-	-	-	(15.177.157.822)	-	(15.177.157.822)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(48.061.555.200)	-	(48.061.555.200)	-
Tại ngày 31/12/2012	415.512.960.000	(470.673.364)	22.926.163.891	-	19.710.421.391	17.261.561.837	(11.173.978.888)	80.880.098.917	544.646.553.784
Tại ngày 01/01/2013	415.512.960.000	(470.673.364)	22.926.163.891	-	19.710.421.391	17.261.561.837	(11.173.978.888)	80.880.098.917	544.646.553.784
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	71.888.964.324	71.888.964.324
Tăng vốn khác (2)	-	-	1.144.096.518	-	-	-	-	(1.144.096.518)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận (1)	-	-	-	-	9.919.895.904	3.653.478.544	-	(13.573.374.448)	-
(2)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phục lợi (2)	-	-	-	-	-	-	-	(13.209.213.373)	(13.209.213.373)
Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	-	-	-	(56.071.814.400)	(56.071.814.400)
Tại ngày 31/12/2013	415.512.960.000	(470.673.364)	24.070.260.409	-	29.630.317.295	20.915.040.381	(11.173.978.888)	68.770.564.502	547.254.490.335

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 16 tháng 4 năm 2013 và Nghị Quyết số 222/QĐ-DLKH ngày 21 tháng 10 năm 2013, Công ty quyết định:

- Thống qua mức chia cổ tức năm 2012 là 14% trên vốn điều lệ và thông qua việc chia cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 9% (Đợt 1 đã được trả vào năm 2012) với số tiền tương ứng 36.046.166.400 VND.
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 là 5% trên vốn điều lệ với số tiền tương ứng 20.025.648.000 VND.
- Thông qua việc sử dụng Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm năm 2012 của Công ty với số tiền 9.919.895.904 VND để bổ sung Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09-DN/HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (2) Trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ Dự phòng tài chính, Quỹ Khen thưởng phúc lợi và tăng vốn khác của chủ sở hữu từ Lợi nhuận chưa phân phối theo Điều lệ Công ty và sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chính thức trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tới.

CỔ PHIẾU

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.551.296	41.551.296
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.051.296	40.051.296
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.500.000	1.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán điện	2.151.262.534.823	1.835.538.147.646
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	8.940.141.083	1.977.910.874
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	71.865.759.070	54.770.992.765
Xây lắp điện	50.001.166.844	36.979.377.890
Khảo sát, thiết kế công trình điện	1.616.771.285	1.332.249.741
Mắc dây, đặt điện	13.197.950.078	11.801.235.053
Sửa chữa, thí nghiệm điện	7.049.870.863	4.658.130.081
Dịch vụ	3.349.667.435	3.107.139.537
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	6.294.124.827	4.857.091.360
	2.241.712.227.238	1.900.251.282.182

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán điện (i)	1.993.527.212.833	1.662.784.024.423
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	4.470.378.725	1.011.634.010
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	59.454.682.652	44.962.642.108
Xây lắp điện	42.719.732.491	31.569.007.125
Khảo sát, thiết kế công trình điện	773.653.087	743.165.885
Mắc dây, đặt điện	11.167.710.752	9.786.061.257
Sửa chữa, thí nghiệm điện	4.793.586.322	2.864.407.841
Dịch vụ	297.729.378	314.270.617
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	6.161.553.878	4.628.441.624
	2.063.911.557.466	1.713.701.012.782

(i) Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền thu lãi cho vay	26.089.573.194	33.013.615.601
Cổ tức, lợi nhuận được chia	786.000.000	1.197.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.243.570.672	2.227.626.824
	28.119.143.866	36.438.242.425

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	9.430.574.684	8.424.762.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.591.382	1.143.942.394
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.090.559.186	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(4.209.230.476)	1.544.139.911
Chi phí hoa hồng bán hàng	738.956.318	687.301.719
	7.121.451.094	11.800.146.350

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	4.564.278.789	25.236.184.747
Thu nhập từ quà biếu, quà tặng	377.809.024	18.812.965.301
Thu nhập khác	1.960.651.653	12.410.258.858
	6.902.739.466	56.459.408.906

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	825.824.686	22.712.227.528
Chi phí khác	367.520.849	215.347.530
	1.193.345.535	22.927.575.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	97.399.039.053	137.359.050.878
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(639.759.209)	(1.140.105.070)
Trừ: Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khác	(18.010.228.694)	(11.847.570.494)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	14.577.398.660	18.330.875.565
Cộng: lỗ mang sang		
Thu nhập chịu thuế	93.326.449.810	142.702.250.879
Thuế suất		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.331.612.452	35.675.562.720
Ưu đãi thuế		
Điều chỉnh theo quyết toán thuế		
Điều chỉnh thuế năm trước	(58.305.212)	109.880.824
	23.273.307.240	26.982.515.896

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.888.964.324	110.569.552.471
Lợi nhuận từ tài sản nhận bàn giao	(1.144.096.518)	(14.109.723.976)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	70.744.867.806	96.459.828.495
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.051.296	40.067.579
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.766	2.407

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.602.305.579	62.007.578.040
Chi phí nhân công	179.568.424.535	156.681.369.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.023.055.548	121.453.163.766
Chi phí mua điện	1.701.264.591.545	1.392.255.346.844
Chi phí khác	113.305.183.666	95.671.058.664
	2.210.763.560.873	1.828.068.517.136

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chè là 56,875% vốn điều lệ (tương đương 22.750.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số vốn Công ty đã góp là 9.787.630.000 VND.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ VND, tương ứng 2% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số vốn Công ty đã góp là 6.975.000.000 VND.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	275.318.502.106	252.030.791.540
Trữ: Tiền và các khoản tương đương tiền	220.557.579.824	393.657.083.901
Nợ thuần	54.760.922.282	-
Vốn chủ sở hữu	547.254.490.335	544.646.553.784
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,10	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.557.579.824	393.657.083.901	393.657.083.901
Phái thu khách hàng và phái thu khác	35.964.673.278	47.369.227.502	47.369.227.502
Đầu tư ngắn hạn	232.008.929.500	17.495.595.261	17.495.595.261
Đầu tư dài hạn	28.904.748.898	48.389.860.089	48.389.860.089
Tổng cộng	517.435.931.500	506.911.766.753	506.911.766.753
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	275.318.502.106	252.030.791.540	252.030.791.540
Phái trả người bán và phái trả khác	226.854.521.532	171.791.811.994	171.791.811.994
Chi phí phái trả	22.540.466.737	17.026.833.040	17.026.833.040
Tổng cộng	524.713.490.375	440.849.436.574	440.849.436.574

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ	Tài sản
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	81.377.743.057	96.632.664.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Đô la Mỹ (USD)	(813.777.431)	(966.326.646)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Sau 1 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.557.579.824	-	220.557.579.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.964.673.278	-	35.964.673.278
Đầu tư ngắn hạn	232.008.929.500	-	232.008.929.500
Đầu tư dài hạn	-	28.904.748.898	28.904.748.898
Tổng	488.531.182.602	28.904.748.898	517.435.931.500

Tại ngày 31/12/2013

Phải trả người bán và phải trả khác	226.854.521.532	-	226.854.521.532
Các khoản vay	52.005.268.236	223.313.233.870	275.318.502.106
Chi phí phải trả	22.540.466.737	-	22.540.466.737
Tổng	301.400.256.505	223.313.233.870	524.713.490.375

Chênh lệch thanh khoản thuần

187.130.926.097	(194.408.484.972)	(7.277.558.875)
-----------------	-------------------	-----------------

Tại ngày 31/12/2012

Tiền và các khoản tương đương tiền	393.657.083.901	-	393.657.083.901
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.369.227.502	-	47.369.227.502
Đầu tư ngắn hạn	17.495.595.261	-	17.495.595.261
Đầu tư dài hạn	-	48.389.860.089	48.389.860.089
Tổng	458.521.906.664	48.389.860.089	506.911.766.753

Tại ngày 31/12/2012

Phải trả người bán và phải trả khác	171.791.811.994	-	171.791.811.994
Các khoản vay	49.310.354.457	202.720.437.083	252.030.791.540
Chi phí phải trả	17.026.833.040	-	17.026.833.040
Tổng	238.128.999.491	202.720.437.083	440.849.436.574

Chênh lệch thanh khoản thuần

220.392.907.173	(154.330.576.994)	66.062.330.179
-----------------	-------------------	----------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	5.607.907.576	6.297.624.165
Trả lãi vay	1.316.769.786	2.619.891.118
Phái trả khác	-	1.582.608.123
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Mua điện thương phẩm	1.686.346.501.735	1.349.839.445.484
Chia cổ tức	29.975.997.800	25.693.712.400
Trả gốc vay	2.869.387.378	9.638.442.939
Trả lãi vay	2.446.492.820	3.152.481.058
Khác	-	441.041.539
Công ty Cổ phần Bê tông lót Khánh Hòa		
Mua vật tư	11.126.640.953	4.559.040.881
Lương thanh toán cho Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	3.206.181.290	2.305.469.280

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Lãi vay phải trả	468.353.176	748.455.808
Gốc vay phải trả	33.992.027.971	39.220.986.871
Phái trả khác	1.939.643.717	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Tiền mua điện thương phẩm phải trả	132.807.621.526	108.605.757.376
Gốc vay phải trả	53.446.812.966	61.485.924.061
Gốc nợ phải trả	18.663.405.103	18.663.405.103
Công ty Cổ phần Bê tông lót Điện lực Khánh Hòa		
Phái thu từ bán tài sản cố định	737.000.000	737.000.000
Phái trả mua vật tư	206.896.992	82.975.000

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập

Nguyễn Thị Chí

Kế toán trưởng

Trần Thị Triều Linh

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Lâm



**EVNCPC
PC KHANH HOA**

CÔNG TY CP ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn - Nha Trang

Điện thoại: (84.58) 2220220 Fax: (84.58) 3823828

Email: Info@khpc.com.vn

Website: <http://www.khpc.vn> <http://www.khpc.com.vn>